

Số: 08/2024.NHT-CBTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2024

V/v: báo cáo thương niên năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa

- Mã chứng khoán: NHT

- Trụ sở chính: số nhà 71/4A đường Hiệp Thành 13, KP7, P. Hiệp Thành, Q.12, Tp.HCM.

- Điện thoại liên hệ.: 02837112054

Fax: 02837112055

- E-mail: duccuong@namhoatoys.com

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2023 Cty CPSX &TM Nam Hoa.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/04/2024 tại đường dẫn <https://namhoatoys.vn/cong-bo-thong-tin>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

-Báo cáo thương niên năm 2023

CÔNG TY CPSX & TM NAM HOA
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TIẾN THỌ



CTCP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG	3
1.	Thông tin khái quát.....	4
2.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	7
3.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	14
4.	Định hướng phát triển	19
5.	Các rủi ro	24
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023	26
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	26
2.	Tổ chức và nhân sự.....	29
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	33
4.	Tình hình tài chính.....	35
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	39
6.	Báo cáo tác động đến môi trường và các hoạt động xã hội của công ty	43
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	45
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	45
2.	Tình hình tài chính.....	45
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	48
4.	Kế hoạch tăng trưởng, phát triển sản xuất kinh doanh trong năm 2024.....	50
5.	Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	51
6.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.....	52
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	52
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	52
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	53
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	54
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	54
1.	Hội đồng quản trị.....	54

2.	Ban Kiểm soát	61
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	64
4.	Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty	66
VI.	BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY	68
1.	Tác động lên môi trường.....	68
2.	Quản lý nguồn nhiên liệu.....	68
3.	Tiêu thụ năng lượng	69
4.	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.....	70
5.	Chính sách liên quan đến người lao động	71
6.	Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....	71
VII.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	71

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa quý cổ đông, các khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên của Nam Hoa,

Trong suốt thời gian hình thành, xây dựng và phát triển của Nam Hoa, chúng ta đã đạt được sự phát triển, tăng trưởng hết sức ổn định và vững chắc nhờ sự thận trọng, chắc chắn trong điều hành kinh doanh, nhờ sự ủng hộ của Quý khách hàng và các Cơ quan quản lý, cũng như sự tin tưởng của Quý Cổ đông và tập thể cán bộ công nhân viên toàn công ty.

Năm 2023 do khó khăn cung của tình hình kinh tế thế giới đã ảnh hưởng mạnh đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và tình hình sản xuất kinh doanh của Nam Hoa nói riêng

Với dự báo triển vọng kinh tế trong nước và nước ngoài trong năm 2024 còn nhiều bất định, mặt bằng lãi suất tăng cao, sức mua và tiêu thụ giảm đáng kể đối với hầu hết các lĩnh vực thì Nam Hoa chắc chắn sẽ chịu ảnh hưởng ít nhiều. Đặc biệt là thị trường và lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Nam Hoa khá chuyên biệt và có tỉ trọng xuất khẩu phần lớn.

Do vậy với quan điểm thận trọng đảm bảo sự an toàn cho nguồn vốn của cổ đông và ổn định cho sản xuất kinh doanh và đời sống cán bộ công nhân viên. Công ty sẽ chú trọng tiết giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thêm danh mục sản phẩm, đầu tư vào các mảng có doanh thu dịch vụ ổn định, tích lũy nguồn lực đợi các cơ hội tích cực. Đồng thời hạn chế các hợp đồng, đối tác có nguy cơ yếu kém về thanh khoản nhằm đảm bảo yếu tố tăng trưởng một cách an toàn cho công ty.

Tôi tin tưởng rằng với nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên, Nam Hoa sẽ vững bước ổn định và phát triển trong năm 2024 và những năm sắp tới. Một lần nữa tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng ủng hộ quý báu của Quý Cổ đông, Khách hàng, đối tác và các cơ quan lý nhà nước dành cho công ty.

Trân trọng.


Thay mặt Hội đồng quản trị

Đoàn Hương Sơn – Chủ tịch Hội đồng quản trị

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

1.1. Thông tin về Công ty

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Tên giao dịch quốc tế	:	Nam Hoa Trading and Production Corporation
Tên viết tắt	:	Nam Hoa Corp.
Giấy CNĐKDN	:	0303292182
Vốn điều lệ	:	240.281.690.000 đồng
Địa chỉ	:	71/4A đường Hiệp Thành 13, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại	:	(84-24) 3711 2054
Fax	:	(84-24) 3711 2055
Website	:	www.namhoatoys.com
Logo	:	
Mã cổ phiếu	:	NHT
Sàn giao dịch	:	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)

1.2. Quá trình hình thành và phát triển



Tiền thân của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa là cơ sở sản xuất tư nhân về kinh doanh đồ chơi trẻ em từ đầu những năm 90.

Ngày 18/05/1993, Đơn vị chuyển đổi từ cơ sở sản xuất tư nhân thành Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Nam Hoa theo giấy đăng ký kinh doanh số 052665 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động kinh doanh chính trong sản xuất đồ chơi bằng gỗ, đồ gỗ nội thất, đồ gỗ gia dụng và đèn trang trí.

Năm 1995, sản phẩm đồ chơi trẻ em bằng gỗ của Nam Hoa đã được xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc. Đến năm 1996, sản phẩm đồ chơi bằng gỗ của Nam Hoa đã được xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản.

Năm 2000, Nam Hoa đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO và được cấp chứng chỉ chất lượng 9001:2000. Đây là hệ thống tiêu chuẩn về quản lý chất lượng sản phẩm được công nhận trên toàn thế giới. Khi có được chứng chỉ ISO 9001, chứng tỏ doanh nghiệp có hệ thống quản lý chất lượng hiệu quả và đáp ứng những tiêu chuẩn chung của quốc tế.

Ngày 11/05/2004, với mục tiêu phát triển doanh nghiệp và mở rộng hoạt động kinh doanh, Nam Hoa chuyển đổi mô hình hoạt động sang hình thức công ty cổ phần với số vốn điều lệ là 16.000.000.000 (Mười sáu tỷ đồng) theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002302 do Sở

kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi là sản xuất đồ chơi bằng gỗ.



Nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất và kinh doanh ngày càng tăng cao, năm 2013 Nam Hoa đã tiến hành đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy tại Quận 12 với 4 tầng lầu và diện tích sử dụng 8.000 m². Công suất nhà máy đạt 150x40 containers/năm tương đương 1,2 triệu sản phẩm/năm.

Công ty đã hoàn thành việc đăng ký chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 62/2017/GCNCP-VSD ngày 09/03/2017 và được giao dịch Upcom từ ngày 01/12/2017 với mã chứng khoán là NHT.

Với hơn 28 năm hình thành và phát triển, các sản phẩm sản xuất của Nam Hoa được tiêu thụ rộng rãi trên thị trường quốc tế như: Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc... Nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, Nam Hoa phải tuân thủ và đáp ứng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng khắt khe theo từng thị trường như: ISO 9001 – 2008 (New version); GS; GE; ST (Japan); KPS (Korea); EN 71 (Europe); ASTM F963 (United States)... Điều này cũng góp phần khẳng định vị thế và thương hiệu của Nam Hoa.

Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa niêm yết tại Sở giao dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh vào ngày 10 tháng 11 năm 2021.



Ngày 28/04/2022, Nam Hoa vinh dự được đón nhận giấy khen từ Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Hồ Chí Minh vì đã có thành tích trong công tác tuyên truyền, phối hợp, thực hiện tốt chính sách BHXH – BHYT – BHTN cho người lao động năm 2021. Điều này đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Nam Hoa đối với người lao động, phù hợp với phương châm và tinh thần của Công ty trong việc lấy con người là nền tảng chính của sự phát triển.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Nam Hoa là một trong những công ty hàng đầu Việt Nam chuyên sản xuất và xuất khẩu đồ chơi trẻ em làm bằng gỗ. Khác với các nhà sản xuất đồ chơi thông thường, sản phẩm đồ chơi của Nam Hoa ra đời nhằm giúp trẻ em vừa chơi, vừa học nên còn được gọi là “đồ chơi trí tuệ”. Các sản phẩm đồ chơi trẻ em của Nam Hoa có tính giáo dục cao được thiết kế dựa trên tâm lý, giáo dục và nghiên cứu vật lý.

Những sản phẩm này được phân loại theo độ tuổi, theo định hướng tập trung phát triển để giúp cha mẹ dễ dàng lựa chọn những món đồ chơi thích hợp nhất cho trẻ em của họ.



Sản phẩm của Nam Hoa là sản phẩm liên quan đến việc phát triển cao cho trẻ em từ 6 tháng tuổi đến 6 tuổi. Những sản phẩm bao gồm đồ chơi khối, đồ chơi gỗ, ngôi nhà búp bê cùng với nội thất, tàu động vật, những bộ hoa quả, hộp phân loại, tàu lượn, xe tập đi cho em bé, bàn, ghế, giường em bé và nhiều đồ chơi và đồ nội thất khác dành cho trẻ em.



Nam Hoa cũng tạo nên sự khác biệt so với những đồ chơi tại các công ty khác trong khu vực bởi khả năng thiết kế. Nam Hoa có đội ngũ thiết kế và kỹ thuật với nhiều năm kinh nghiệm và sáng tạo và luôn tạo ra những sản phẩm chất lượng khá cao trên thị trường.



Hiện tại, sản phẩm của Nam Hoa được chia làm các nhóm hàng chính như sau:

- ***Nhóm hàng đồ chơi trẻ em (Toys)***

Là những mặt hàng đồ chơi trẻ em đơn giản và thông dụng được Nam Hoa thực hiện bằng gỗ. Đó là những ngôi nhà, xe cứu hỏa, xe cứu thương, tàu ...được Nam Hoa thực hiện tinh xảo nhằm giúp trẻ em thông qua việc chơi đùa mà nhận biết được cuộc sống và thế giới bên ngoài.



- **Nhóm hàng GABE**

Là tên gọi thân thuộc của đồ chơi Spielgaben, Spielgaben ban đầu được sáng chế bởi Friedrich Froebel – người sáng lập mẫu giáo cũng chính là khởi nguồn của “**Phương pháp giáo dục Montessori**” mà đồ chơi Spielgaben là công cụ để ông thực hiện phương pháp đó.

Spielgaben cũng có một vài điểm giống đồ chơi Lego, là những mảnh ghép đơn lẻ, yêu cầu trẻ phải lắp ráp thành một hình hoàn chỉnh. Tuy nhiên, nếu cái đích mà Lego hướng tới là một khuôn mẫu có sẵn, một đáp số rõ ràng và chỉ có một lời giải đúng thì Spielgaben lại hoàn toàn khác. Bé có thể tự do sáng tạo thành các hình chúng muốn, không có đáp số chung cho từng bộ Spielgaben, vì thế cũng không gò bó trẻ phải lắp ráp thành những khuôn mẫu cụ thể.

Một bộ đồ chơi Spielgaben thường được chia làm 14 phần. Mỗi gabe là một bộ đồ chơi khác nhau, được thiết kế phù hợp với từng lứa tuổi cụ thể. Từ Gabe từ 1 đến 6 được thiết kế theo hình dạng 3D, Gabe số 7 là hình khối 2D, Gate 8 thể hiện bằng các đường (đường thẳng, đường trong),

gabe số 9 thể hiện điểm. Còn các Gabe tiếp theo thể hiện sự nâng cấp và kết hợp chung của những Gabe cấp thấp.



Colligo
Play to grow



Colligo
Play to grow



Colligo
Play to grow



- **Nhóm hàng đồ trang trí**

Bao gồm các sản phẩm bằng gỗ tinh xảo vừa có thể dùng để trang trí trong nhà vừa có thể xem là các món đồ chơi cho trẻ em. Vật liệu được Nam Hoa Decor sử dụng dùng để thiết kế các sản phẩm đồ trang trí là từ gỗ Sồi, gỗ Óc Chó, gỗ Tần Bì... . Đây là các loại gỗ cao cấp, chống mối mọt tốt với độ bền cao, vân gỗ đẹp và thân thiện với môi trường. Màu sắc sản phẩm tinh tế, hài hòa, tạo ra sự sống động khi trang trí cho căn nhà của gia chủ. Bao gồm các sản phẩm bằng gỗ tinh xảo.

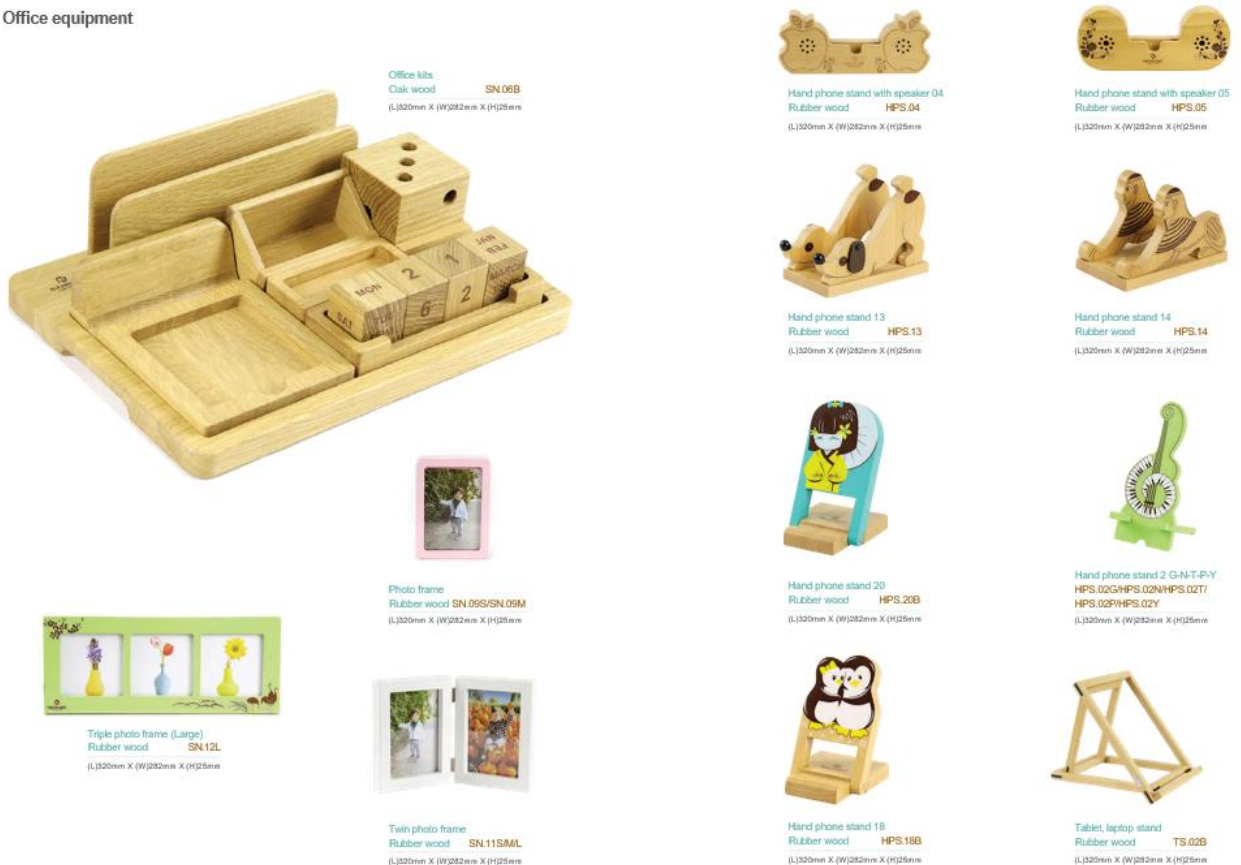


Một số sản phẩm đồ trang trí – quà tặng của Nam Hoa

- **Nhóm dụng cụ đồ dùng**

Nam Hoa là đơn vị được Stanley Black & Decker – tập đoàn lớn nhất toàn cầu về dụng cụ và thiết bị cầm tay đặt hàng sản xuất riêng mặt hàng cán chừa và hộp đồ nghề bằng gỗ. Sản phẩm của Nam Hoa đã đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng, được khách hàng tại thị trường Mỹ và Châu Âu tin dùng trong nhiều năm qua.

Office equipment



- **Nhóm hàng đồ dùng nhà bếp**

Các thiết bị nhà bếp tại Nam Hoa đều có những thiết kế độc đáo, phù hợp với từng nét văn hoá và nhu cầu của thị trường đem đến những sản phẩm gỗ tự nhiên (có nguồn gốc rõ ràng) và luôn ưu tiên về chất lượng. Sự kết hợp giữa gỗ cao su và gỗ óc chó (walnut) cho sản phẩm Nam Hoa đã mang đến thiết kế tinh tế, sang trọng.



Thiết bị nhà bếp của Nam Hoa

- **Nhóm đồ Furniture (đồ nội thất)**

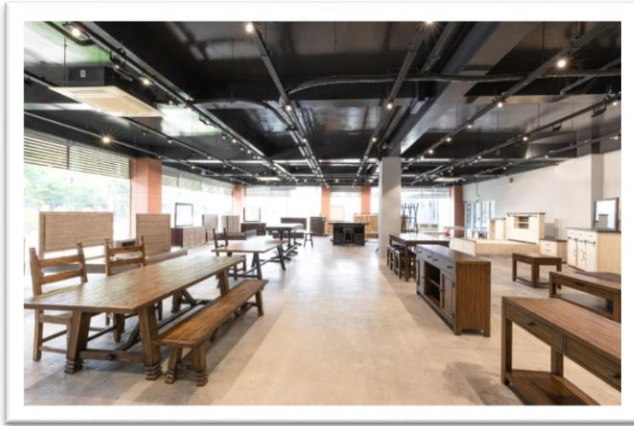
Đa số đồ nội thất hiện nay của Nam Hoa là nội thất dành cho các bé thiếu nhi từ 3 - 10 tuổi. Sản phẩm với nhiều kiểu dáng con vật ngộ nghĩnh, thiết kế sáng tạo và màu sắc tươi sáng. Các đồ nội thất có thể kể đến như: Kệ để đồ đứng hình các con thú dễ thương, khung hình chú nai, móc treo quần áo, thước đo chiều cao, xe đựng đồ chơi, bộ bàn ghế gỗ, ... Các sản phẩm được làm từ gỗ cao su 100% thiên nhiên, có tính dẻo, chống mối mọt tốt, bền bỉ theo thời gian. Hầu hết, các đồ nội thất tại Nam Hoa đều được làm hoàn toàn từ gỗ tự nhiên, vân gỗ đẹp, độ bền cao giúp cho khách hàng hoàn toàn an tâm khi sử dụng. Điều đặc biệt, các sản phẩm đồ nội thất dành cho bé của Nam Hoa Furniture đều được sơn phủ an toàn, không gây hại cho người sử dụng, đảm bảo được sức khỏe cho bé.



Nội thất trẻ em của Nam Hoa

Địa bàn kinh doanh: Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa hiện đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thị trường sản phẩm của Công ty bao gồm cả thị trường trong nước và quốc tế. Trong đó, Công ty chủ yếu xuất khẩu sản phẩm sang thị trường Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và Úc.

Đồ nội thất bằng gỗ cao cấp của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê (Công ty con của Nam Hoa) được chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Bắc Mỹ như Hoa Kỳ, Canada và một số quốc gia khác như Anh, Úc



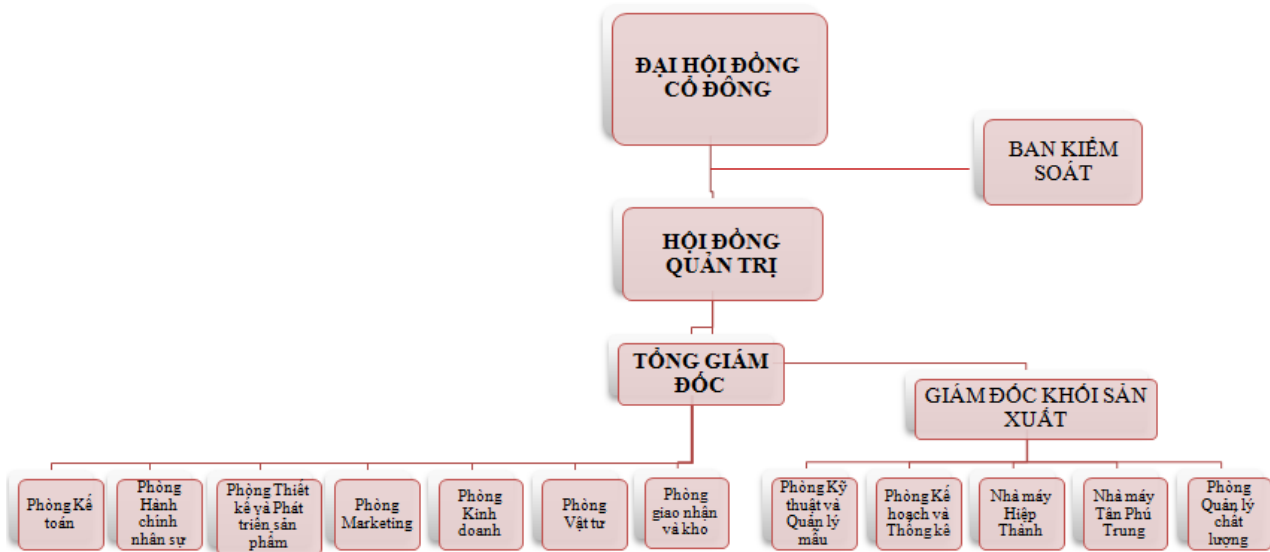
Đồ nội thất cao cấp của Miền Quê

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị công ty

Hiện nay, Nam Hoa đang áp dụng mô hình quản trị theo điểm a, khoản 1, điều 137 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trong đó có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của ĐHĐCĐ. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty cổ phần và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay là **Ông Nguyễn Tiến Thọ**.



Các phòng ban, đơn vị sản xuất

Các phòng, ban đơn vị sản xuất thực hiện chức năng tham mưu, quản lý và trực tiếp sản xuất theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

Phòng kế toán:

Chịu trách nhiệm về mọi hoạt động tài chính, kế toán trong công ty. Đảm bảo tất cả các hoạt động tài chính và kế toán tuân thủ đúng quy định của pháp luật về kế toán, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán.

Phòng hành chính nhân sự:

Chịu trách nhiệm quản lý các vấn đề về nhân sự trong công ty, các quy định về tiền lương, bảo hiểm xã hội và các chế độ khác của người lao động. Tổ chức thực hiện và xây dựng triển khai các nội quy, quy chế của công ty.

Phòng thiết kế và phát triển sản phẩm:

Chịu trách nhiệm nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới, nghiên cứu và cố vấn cho khách hàng các vấn đề về kỹ thuật, lập các hồ sơ kỹ thuật cho từng sản phẩm được đặt hàng.

Phòng marketing:

Chịu trách nhiệm hoạch định và tổ chức thực hiện các hoạt động về nghiên cứu thị trường, triển lãm, tổ chức sự kiện, thiết kế sản phẩm, bán hàng và đo lường thỏa mãn khách hàng.

Phòng kinh doanh:

Chịu trách nhiệm cho việc tìm kiếm khách hàng, bán sản phẩm, giữ vai trò trong việc thúc đẩy, tiếp thị và phân phối sản phẩm ra thị trường.

Phòng vật tư:

Chịu trách nhiệm về mọi hoạt động mua nguyên vật liệu, công cụ - dụng cụ, bao bì ...đảm bảo tất cả việc cung ứng vật tư đầu vào đảm ứng đầy đủ và kịp thời cho sản xuất.

Phòng giao nhận và kho:

Chịu trách nhiệm mọi hoạt động giao hàng, nhận hàng và quản lý hàng hóa, thành phẩm, nguyên liệu, công cụ - dụng cụ, bao bì và tất cả vật tư khác theo quy định của công ty.

Khởi sản xuất

Chịu trách nhiệm hoạch định, tổ chức kế hoạch mua hàng, tổ chức kế hoạch sản xuất, tổ chức kế hoạch kiểm tra chất lượng từ khâu đầu vào cho đến khi ra thành phẩm.

Phòng Kỹ thuật và quản lý mẫu

Chịu trách nhiệm quản trị hệ thống kỹ thuật và quản lý các hoạt động liên quan đến kỹ thuật và công nghệ của doanh nghiệp.

Phòng quản lý chất lượng

Chịu trách nhiệm về việc đưa ra quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu ra và đầu vào, kiểm soát và theo dõi các thực hiện các chương trình quản lý theo iso, 5s, BSCI.

Phòng kế hoạch và thống kê:

Chịu trách nhiệm lập kế hoạch sản xuất cho từng sản phẩm, nhóm sản phẩm, nhóm đơn hàng và luôn luôn theo dõi ghi chép tổng hợp số lượng thực tế tại từng công đoạn sản xuất sản phẩm theo từng thời gian cụ thể ngày, tháng, năm.

Nhà máy Hiệp Thành, Nhà máy Nam Hoa Củ Chi, Nhà Máy Nhơn Trạch- Đồng Nai

Chịu trách nhiệm sản xuất mộc gia dụng, hàng trang trí nội thất và đồ chơi trẻ em bằng gỗ của Nam Hoa.



3.3. Các công ty con, công ty liên kết

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa có 01 công ty con và không có công ty liên kết.



TT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ đăng ký (đồng)	Tỷ lệ sở hữu của NHT trên vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2023	Tỷ lệ sở hữu của NHT trên vốn điều lệ thực góp
1	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê	Lô số 3, đường 5A Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất đồ dùng nội thất từ gỗ	112.768.000.000	51%	112.768.000.000	51%

(Nguồn: NHT)

Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê được thành lập vào năm 2001 và chính thức đặt chân vào ngành sản xuất nội thất cao cấp. Kể từ đó, Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê không ngừng tìm kiếm những phương pháp mới để nâng cao trải nghiệm của khách hàng bằng cách cung cấp những sản phẩm không chỉ có chất lượng cao cấp mà còn bao trùm và thể hiện linh hồn của ngành chế biến gỗ Việt Nam ra thị trường toàn cầu. Các sản phẩm của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê chủ yếu được xuất khẩu sang các thị trường lớn như Mỹ, Canada, Anh, Úc, New Zealand). Mục tiêu chính của công ty là trở thành một trong những nhà sản xuất đồ nội thất cao cấp uy tín với phương châm “sản phẩm của chúng tôi, lợi nhuận của bạn”, Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê đã và đang nỗ lực cố gắng để có thể mang sản phẩm của mình đến tất cả các thị trường trên toàn thế giới.



4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

– Trong thời gian tới, Công ty đặt kế hoạch chiến lược mở rộng cả về quy mô, điều chỉnh cơ cấu doanh thu, đầu tư cơ sở hạ tầng vật chất hiện đại. Để đạt được kế hoạch đó, Hội đồng quản trị đã đặt ra một số mục tiêu trong giai đoạn đến năm 2025 như sau:

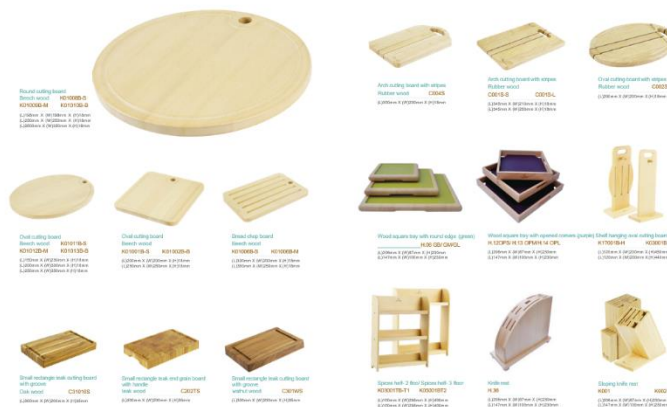
- Doanh thu và Lợi nhuận tăng 30% hàng năm (hồi phục sau suy thoái 2023)
- Tập trung khai thác thị trường trọng điểm Châu Âu
- Chú trọng các sản phẩm truyền thống Decor, Gift, Gia dụng và đồ chơi cao cấp và hướng tới mở rộng sản xuất sang dòng hàng Nội thất cao cấp.
- Nâng cấp, đầu tư MMTB hiện đại, tự động và thay đổi quy trình sx hiện đại để tăng NS, chất lượng , giảm giá thành --> tăng sức cạnh tranh

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng: Phát triển quy mô nhà máy, áp dụng quản trị sản xuất tiên tiến 5S/TPS, áp dụng chuyển đổi số sâu rộng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

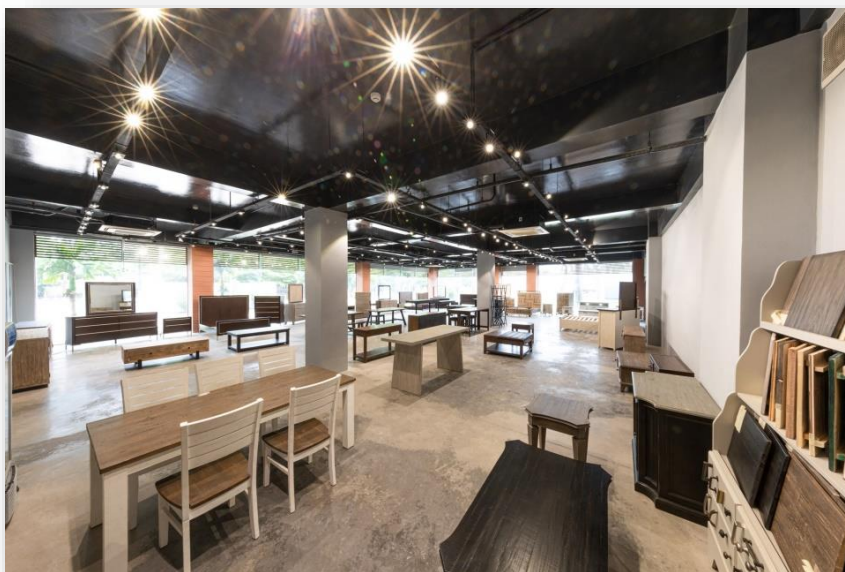
– CTCP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa là một trong những công ty hàng đầu Việt Nam chuyên sản xuất và xuất khẩu đồ chơi trẻ em làm bằng gỗ. Nam Hoa đã đạt vị thế dẫn đầu trong phân khúc sản xuất sản phẩm quà tặng và đồ chơi gỗ cao cấp. Với mong muốn người tiêu dùng tiếp cận các sản phẩm đồ chơi trẻ em bằng gỗ chất lượng, Nam Hoa sẽ tiếp tục đẩy mạnh mở rộng các kênh phân phối, phủ sóng thị trường qua cả kênh trực tuyến lẫn truyền thống. Theo đó Nam Hoa sẽ tập trung nghiên cứu xây dựng các gian hàng trực tuyến trên các kênh thương mại điện tử, đặc biệt là tại thị trường nước ngoài.







– Thông qua việc đầu tư vào công ty con là CTCP Sản xuất và Thương mại Miền Quê, Nam Hoa đặt kế hoạch cho bước chuyển tiếp theo là phát triển sâu vào thị trường rộng lớn hơn: sản xuất nội thất gỗ cao cấp, cùng với việc mở rộng tệp khách hàng tên tuổi chủ yếu từ Mỹ với khách hàng tiêu biểu như Ashley Furniture, Jofran Furniture, Whalen Furniture và Modus Furniture.





4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững

Tối đa hóa quyền lợi của cổ đông đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty. Đảm bảo cân bằng lợi ích của các bên liên quan khác: khách hàng, cán bộ, nhân viên, đối tác.

Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường, thực hiện đầy đủ công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường, đảm bảo các Quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tiến hành thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng điện, lượng nước tiêu dùng. Tổ chức thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý rác thải phát sinh hàng ngày. Tổ chức dọn vệ sinh môi trường xung quanh nhà máy của Công ty. Tổ chức và tham gia các hoạt động tạo môi trường xanh, trong lành.

Hoạt động vì mục tiêu phát triển chung của toàn xã hội, gắn sự phát triển của Công ty với đại phương và địa bàn hoạt động. Chung tay vì cộng đồng, chia sẻ khó khăn với các đối tượng chính sách, hộ gia đình khó khăn qua các hoạt động từ thiện. Tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho xã hội, quan tâm đến đời sống của người lao động.

Tích cực đóng góp cho Ngân sách nhà nước thông qua việc nộp đầy đủ nghĩa vụ thuế, tiến hành kê khai và nộp đủ, kịp thời các loại thuế, phí tài nguyên, môi trường và bảo vệ môi trường và sự phát triển chung của địa phương, khu vực.



5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro về kinh tế

Với lĩnh vực kinh doanh chính hiện nay là sản xuất và xuất khẩu đồ chơi trẻ em bằng gỗ, kết quả hoạt động của Công ty phụ thuộc nhiều vào tốc độ tăng trưởng và những diễn biến của nền kinh tế Việt Nam cũng như nền kinh tế toàn cầu.

Tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động nhanh, phức tạp khó lường, tính bất ổn cao, cả về kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh tác động trên quy mô toàn cầu, ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Vì vậy, Nam Hoa luôn quan tâm đến ảnh hưởng của nền kinh tế thế giới đến hoạt động xuất khẩu đồ chơi trẻ em của mình và đồng thời luôn có bộ phận chuyên môn nghiên cứu cũng như bám sát môi trường kinh tế vĩ mô để đưa ra tư vấn cho Ban Điều hành các quyết sách và chiến lược phù hợp.

5.2. Rủi ro lạm phát

Bên cạnh tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào cũng như chi phí chung của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.

Năm 2023 lạm phát ở hầu hết các nền kinh tế trên thế giới tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn còn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế duy trì chính sách thắt chặt tiền tệ, lãi suất cao. Do tác động của lạm phát đến chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, lạm phát luôn là chỉ số vĩ mô mà Công ty quan tâm và theo dõi chặt chẽ để đưa ra các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động kinh doanh của mình.

5.3. *Rủi ro về tỷ giá và lãi suất*

Lạm phát có nguy cơ kéo dài trong nhiều năm tới, tỷ giá là một công cụ để kiềm chế lạm phát. Vì vậy Ngân hàng nhà nước sẽ sử dụng công cụ này để điều tiết, ổn định các chỉ số vĩ mô.

Sản phẩm của Nam Hoa chủ yếu tiêu thụ tại thị trường nước ngoài và nguồn nguyên vật liệu chính cho việc sản xuất của Công ty phần lớn là được nhập khẩu. Vì vậy, sự biến động về tỷ giá có tác động lớn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Với mô hình kinh doanh hiện nay của Nam Hoa, việc sử dụng vốn vay là cần thiết. Tuy nhiên, sự biến động lãi suất gây ra rủi ro chi phí đi vay tăng cao ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Để hạn chế tác động của tỷ giá và lãi suất lên chi phí của Công ty, ban lãnh đạo đã và đang nghiên cứu phân tích biến động của thị trường để cân đối nhu cầu và điều chỉnh kế hoạch tương ứng, đồng thời cân đối sử dụng đồng VNĐ hay ngoại tệ trong thanh toán.

5.4. *Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào*

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Là doanh nghiệp chuyên sản xuất và xuất khẩu đồ chơi bằng gỗ, sử dụng nguồn nguyên vật liệu chính nhập khẩu từ các nước Châu Âu, Mỹ, New Zeland, Châu Phi. Do đó, khi thu mua với cự ly vận chuyển xa, sẽ có rủi ro về cước vận chuyển tăng cao và đặc biệt với thời gian vận chuyển dài sẽ gây áp lực đến dòng tiền và vốn lưu động. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu từ gỗ chỉ chiếm từ 20-25% giá vốn sản xuất. Công ty đã có những biện pháp bảo đảm sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu như giữ mối quan hệ với nhiều nhà cung cấp khác nhau, hàng tồn kho nguyên vật liệu trọng yếu đáp ứng được tối thiểu 03 tháng sản xuất liên tục.

5.5. *Rủi ro về pháp luật*

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia ảnh hưởng rất lớn đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung và với Nam Hoa nói riêng. Đối với Nam Hoa, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, các chính sách thuế, hải quan, và các đạo luật liên quan khác. Với tư cách là một doanh nghiệp đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, Nam Hoa còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Như vậy, bất kỳ thay đổi bất lợi nào trong hệ thống các văn bản pháp luật này cũng có thể tác động tiêu cực đến hoạt động của doanh nghiệp.

5.6. Rủi ro khác

Những rủi ro khác bao gồm các rủi ro không thể dự đoán được như thiên tai, bệnh dịch, chiến tranh, khủng bố, ... là những rủi ro nguy cơ xảy ra rất thấp nhưng có tác động lớn đến tình hình kinh doanh của toàn Công ty. Đây là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của doanh nghiệp.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2023 theo BCTC riêng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	
			Giá trị	Thay đổi (%)
Tổng tài sản	Triệu đồng	404.162	381.933	-5,50
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	316.481	292.376	-7,62
Doanh thu thuần	Triệu đồng	307.155	150.334	-51,06
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	74.903	11.901	-84,11

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã kiểm toán của NHT)

Năm 2023, vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ giảm 7,62% từ gần 316,4 tỷ xuống 192,37 tỷ đồng, Tổng tài sản của Công ty mẹ chỉ giảm 5,5% từ trên 404 tỷ xuống còn 381,9 tỷ đồng, tức chỉ giảm gần. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm Công ty thực hiện chia cổ tức bằng tiền 15%.



Về kết quả sản xuất kinh doanh, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ đều ghi nhận mức giảm mạnh. Cụ thể, doanh thu thuần giảm 51,6% so với năm 2022, đạt hơn 150,3 tỷ

đồng. Trong khi đó, lợi nhuận sau thuế giảm hơn 84,11%, từ 74,9 tỷ đồng xuống 11,9 tỷ đồng. nguyên nhân chính khiến kết quả kinh doanh năm 2023 giảm mạnh so với năm 2022 do năm 2023 đơn hàng của khách sụt giảm cộng với dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con Miền Quê.

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2023 theo BCTC hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	
			Giá trị	Thay đổi (%)
Tổng tài sản	Triệu đồng	751.864	599.213	-20,30
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	436.009	379.603	-12,94
Doanh thu thuần	Triệu đồng	878.299	309.523	-64,76
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	63.438	-20.399	-132,16
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	Triệu đồng	66.221	0.522	-99,21
EPS	Đồng/CP	2.759	22	-99,20

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán của NHT)

Năm 2023, sau khi hợp nhất kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê, doanh thu thuần của Công ty hợp nhất giảm 64,76% từ mức hơn 878 tỷ đồng xuống còn hơn 309 tỷ đồng. Doanh thu sụt giảm dưới điểm hòa vốn khiến lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty âm -20,39 tỷ, so với năm 2022 dương 63,43 tỷ, tương ứng mức giảm -132%.



b. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2023	KH 2023	TH 2023 /KH 2023
KẾT QUẢ 2023 CÔNG TY MẸ					
1	DOANH THU THUẦN	Tỷ Đồng	150.3	240.0	63%
5	Tổng Lợi Nhuận Sau Thuế	Tỷ Đồng	11.9	48.0	25%
KẾT QUẢ 2023 HỢP NHẤT					
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ Đồng	309.5	536.0	58%
2	LNST hợp nhất	Tỷ Đồng	-20.4	43.4	-47%
3	LNST cổ đông công ty mẹ	Tỷ Đồng	0.5	45.6	1%
4	LNST Cổ đông không kiểm soát	Tỷ Đồng	-20.9	-2.2	

Nam Hoa không đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 do Đại hội đồng cổ đông đặt ra. Năm 2023 được đánh giá là một năm khó khăn chung đối với nền kinh tế, đặc biệt với đặc thù là một doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu đồ chơi, lạm phát và biến động tỷ giá ảnh hưởng rất lớn đến chi phí sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp.



Tổng kết năm 2023, tổng doanh thu hợp nhất đạt 309,5 tỷ đồng, đạt 63% so với kế hoạch, giảm 65% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt âm 20.4 tỷ đồng, không đạt so với kế hoạch, Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 522 triệu đồng, đạt 1% so với kế hoạch, giảm 99% so với năm 2022.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty bao gồm 04 thành viên, gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng, thực hiện các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Danh sách Ban điều hành của Công ty như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Tiến Thọ	Tổng Giám đốc
2	Ông Lưu Vũ Sơn	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Phạm Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Đức Cường	Kế toán trưởng

a. Ông Nguyễn Tiến Thọ – Tổng Giám đốc



Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Năm sinh: 1974

Ngày bổ nhiệm: 30/12/2017

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 - 2003	Công ty liên doanh Unilever – Việt Nam	Trưởng khu vực kinh doanh
2004 - 2010	Unza Việt Nam	Giám đốc kinh doanh
2011 - 2012	Beiersdorf Việt Nam	Giám đốc kinh doanh
2013 - 2014	Jollibee Việt Nam	Giám đốc phát triển kinh doanh
2015 - 2016	L’Oreal Việt Nam	Giám đốc thương mại
2017	Alliance Laundry Việt Nam	Tổng Giám đốc
2018 - nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	Tổng Giám đốc – TV HĐQT

b. Ông Lưu Vũ Sơn – Phó Tổng Giám đốc



Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy

Năm sinh: 1983

Ngày bổ nhiệm: 12/05/2022

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2021 - 2022	Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa	Giám đốc sản xuất
2022 - nay	Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa	Phó Tổng Giám đốc

c. Ông Phạm Việt Phương – Phó Tổng Giám đốc



Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế

Năm sinh: 1973

Ngày bổ nhiệm: 12/05/2022

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007 - 2011	Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa	Tổ trưởng mua hàng
2011 - 2019	Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa	Phó phòng mua hàng
2019 – 2022	Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa	Trưởng phòng mua hàng
2022 - nay	Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa	Phó Tổng giám đốc

d. Ông Nguyễn Đức Cường – Kế toán trưởng



Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Năm sinh: 1988

Ngày bổ nhiệm: 22/09/2020

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2010 - 9/2020	Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa	Kế toán viên
09/2020 – nay	Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa	Kế toán trưởng

2.2. Cơ cấu nhân sự

Tại thời điểm 31/12/2023, tổng số lao động là 485 người.

STT	Tiêu chí	ĐVT	Năm 2023	% Năm 2023
I	Theo trình độ lao động			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	30	6.19%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	Người	3	0.62%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	Người	6	1.24%
4	Lao động phổ thông	Người	446	91.96%
II	Theo đối tượng lao động			
1	Lao động trực tiếp	Người	446	91.96%
2	Lao động gián tiếp	Người	39	8.04%

III	Theo giới tính			
1	Nam	Người	235	48.45%
2	Nữ	Người	250	51.55%
Tổng cộng		Người	485	100%

(Nguồn: NHT)

Chính sách đối với người lao động:

- Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, thực hiện đầy đủ về BHXH, BHYT, BHTN, ... khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn, hiểu biết về xã hội, tạo điều kiện cho người lao động tham gia hoạt động văn hóa, thể thao, ...
- Công ty đã giải quyết việc làm cho lao động với mức thu nhập ổn định, thực hiện tốt các chế độ chính sách Nhà nước quy định đối với người lao động và đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước.
- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực: Với phương châm nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công cho công ty, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, tuyển dụng người tài nhằm chọn được những cá nhân tốt nhất cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh. Khuyến khích việc tham gia học tập các lớp học, khóa học do các trường đào tạo.
- Tuyển dụng: Với hệ thống quy chế tuyển dụng được ban hành đã tạo ra khung cơ bản nhằm góp phần tuyển chọn những người thực sự có tài góp sức xây dựng Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Tình hình thực hiện các dự án trong năm 2023

Sản phẩm chủ lực của Nam Hoa là mặt hàng đồ chơi trẻ em bằng gỗ chất lượng cao, có nhiều chi tiết phức tạp, đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe nhất của ngành hàng. Một bộ sản phẩm được tạo ra bao gồm hàng chục chi tiết khác nhau, mỗi chi tiết lại cần từ 16-20 công đoạn sản xuất. Do mức độ phức tạp, hàm lượng chi tiết cao trong sản phẩm, Công ty luôn phải thực hiện cải tiến quy trình sản xuất, hiện đại hóa công nghệ - con người, đảm bảo luôn đáp ứng được nhanh chóng những đòi hỏi khắt khe về mẫu mã, chất lượng sản phẩm từ đối tác.

Để đạt được mục tiêu đó, từ năm 2021 Nam Hoa đã triển khai mô hình Hệ thống quản lý sản xuất TPS để tối ưu hóa năng suất lao động của Công ty. Theo đó mục tiêu chính của Hệ thống TPS mà Nam Hoa đã và đang áp dụng là: Loại bỏ lãng phí, giảm thiểu sự quá tải – thiếu cân bằng trong quy trình, phát triển các quy trình để trở nên trơn tru, linh hoạt trong nỗ lực tối đa việc giảm chi phí sản xuất hết mức có thể. Đồng thời, Triết lý Kaizen và 5S cũng được sử dụng trong quá trình vận hành Nam Hoa để tạo ra sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng đúng thời hạn đơn hàng, đảm bảo mức giá cạnh tranh – chất lượng tốt nhất trên thị trường.



Theo thống kê của Ban Tổng Giám đốc, kể từ sau khi áp dụng thành công dự án áp dụng quy trình TPS tại Nam Hoa, năng suất lao động đã tăng 15%, số lượng sáng kiến (Kaizen) tăng 20%. Nhờ năng suất được cải thiện cũng giúp cho làm tăng đáng kể mức bình quân thu nhập người lao động của Nam Hoa.

Tiếp nối thành công của dự án mô hình Hệ thống quản lý sản xuất TPS tại Nam Hoa, trong năm 2023, Công ty đã bắt đầu thực hiện triển khai áp dụng mô hình trên tại công ty con của Nam Hoa – Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê (Miền Quê). Miền Quê đã có nền tảng hoạt động tốt trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nội thất, Công ty đặt kế hoạch đổi mới mạnh mẽ công nghệ - quy trình sản xuất, cơ sở hạ tầng hiện đại và xây dựng nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm với quyết tâm cao sẽ tạo ra sự thay đổi đáng kể về gia tăng lợi nhuận cho Miền Quê.



3.2. Tình hình hoạt động của các Công ty con



Tính đến ngày 31/12/2023, Công ty có duy nhất 01 Công ty con là Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê. Tình hình hoạt động của Công ty con trong năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị (tỷ đồng)
Tổng giá trị tài sản	202
Vốn chủ sở hữu	90
Doanh thu thuần	174
Lợi nhuận trước thuế	-30,2
Lợi nhuận sau thuế	-30,2

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính của Công ty theo BCTC riêng:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/giảm năm 2023 so với năm 2022 (%)
Tổng giá trị tài sản	404.162	381.933	-5.5
Doanh thu thuần	309.083	150.33	-51.4
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	83.092	13.337	-83.9
Lợi nhuận khác	20	851	4155
Lợi nhuận trước thuế	83.112	14.227	-82.9
Lợi nhuận sau thuế	74.903	11.9	-84.1

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023 được kiểm toán của NHT)



Tình hình tài chính của Công ty theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/giảm của năm 2023 so với năm 2022 (%)
Tổng giá trị tài sản	751.864	599.213	-20.3
Doanh thu thuần	880.226	309.52	-64.8
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	63.609	-21.512	-133.8
Lợi nhuận khác	6.589	1.474	-77.6
Lợi nhuận trước thuế	70.197	-20.037	-128.5
Lợi nhuận sau thuế	63.438	-20.399	-132.2

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 được kiểm toán của NHT)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty theo BCTC riêng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
– Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,33	1,06
– Hệ số thanh toán nhanh (TSNH – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,91	0,64
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
– Tổng nợ/Tổng tài sản	Lần	0,22	0,23
– Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,28	0,31
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
– Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	5,13	3,18
– Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	vòng	0,76	0,38
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
– Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	24,23	7,9
– Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	23,67	4,1
– Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	18,53	3,1
– Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	26,88	8,9

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023 được kiểm toán của NHT)

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty theo BCTC hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
– Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,11	1,01
– Hệ số thanh toán nhanh (TSNH – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,49	0,43
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
– Tổng nợ/Tổng tài sản	Lần	0,42	0,37
– Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,72	1,27
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
– Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	3,43	2,00
– Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	vòng	1,09	0,46
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
– Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	7,21	0,17
– Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	14,55	0,14
– Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	8,44	0,09
– Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	7,23	-6,95

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 được kiểm toán của NHT)

Trong năm 2023, tổng nợ phải trả của Công ty mẹ chỉ chiếm 23.4% tổng tài sản và 31% vốn chủ sở hữu. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh giảm so với năm 2022 từ 0,91 xuống 0,64.

Năm 2023 là một năm tương đối khó khăn với nền kinh tế nói chung, điều này ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty qua đó các chỉ số phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh như ROS, ROA và hệ số lợi nhuận thuần từ HĐKD/ Doanh thu thuần đều giảm mạnh so với năm 2022, lần lượt đạt 7,9%, 4,1% và 3,1%.



Đối với Công ty hợp nhất, chỉ tiêu về khả năng thanh toán giảm so với năm trước. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,1 lần xuống 1,01 lần và tổng nợ trên vốn chủ sở hữu cũng giảm từ 0,72 lần lên 1,27 lần

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 24.028.169 cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 24.003.698 cổ phần.
- Cổ phiếu quỹ: 24.471 cổ phần
- Cổ phần chuyên nhượng tự do: 24.003.698 cổ phần.
- Cổ phần hạn chế chuyên nhượng: 0 (không) cổ phần.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

5.2. Cơ cấu cổ đông

a. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2023



STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông nhà nước	0	0	0.0%
2	Cổ đông trong nước	484	23,272,376	96.9%
2.1	Cổ đông tổ chức	3	28,800	0.1%
2.2	Cổ đông cá nhân	481	23,243,576	96.7%
3	Cổ đông nước ngoài	14	731,322	3.0%
3.1	Cổ đông tổ chức	8	729,832	3.0%
3.2	Cổ đông cá nhân	6	1,490	0.0%
	Cổ phiếu quỹ	1	24,471	0.1%
	Tổng	499	24,028,169	100.0%

b. Sở hữu cổ đông lớn tại ngày 31/12/2023

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Đoàn Hương Sơn	001073031865	101-F8 TTDC và ĐL, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	5.864.212	24,41
2	Ông Lê Duy Anh	012936782	P503-C1B TT Rau Quả, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	3.120.000	12,98
3	Bà Bùi Thị Hiền	019174002505	P503-C1B TT Rau Quả, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	2.398.206	9,98
4	Bà Trần Thị Thanh Hương	025179000021	1407, tòa E1, Ciputra, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	1.560.000	6,49
Tổng cộng				12.942.418	53,86

c. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa theo quy định của pháp luật là 50%.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu tính đến 31/12/2023

Đơn vị: 1.000 VNĐ

Thời gian	Giá trị vốn tăng/giảm	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận
11/05/2004		16.000.000	Thành lập công ty	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
18/06/2004	5.333.400	21.333.400	Phát hành thêm cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
16/11/2007	8.806.500	30.139.900	Phát hành tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
05/04/2010	15.835.300	45.975.200	Phát hành cổ phần cho CBCNV và nhà đầu tư chiến lược	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
09/09/2016	8.979.710	54.954.910	Phát hành tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
20/09/2018	13.667.090	68.622.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
07/06/2019	34.193.180	102.815.180	Phát hành cổ	Sở Kế hoạch và

Thời gian	Giá trị vốn tăng/giảm	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận
			phiếu trả cổ tức	Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
17/04/2020	51.290.230	154.115.410	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
27/01/2022	30.773.550	184.888.960	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
14/11/2022	55.392.730	240.281.690	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty có 24.471 cổ phiếu quỹ.

Trong năm 2023, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác

Không có

6. Báo cáo tác động đến môi trường và các hoạt động xã hội của công ty

Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2023:

+/ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:
Không

+/ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Năm 2023, Công ty luôn chăm lo đời sống cho Người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thưởng các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết Người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.



Bên cạnh ý thức thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường hướng đến sự phát triển bền vững, Công ty còn quan tâm tới các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa với mong muốn đóng góp vì một cuộc sống chất lượng hơn - hạnh phúc hơn.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

A-Về hoạt động Sản xuất Kinh doanh Riêng của Công ty mẹ Nam Hoa

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2023	NĂM TRƯỚC	So với năm trước	KẾ HOẠCH	So với Kế Hoạch
1	DOANH THU THUẦN	Tỷ Đồng	150.3	307.2	49%	240.0	63%
2	LNST từ riêng HĐ SXKD	Tỷ Đồng	23.5	69.2	34%	48.0	49%
3	<i>Cổ tức nhận từ Cty thành viên</i>	Tỷ Đồng	0.0	5.8	0%	-	
4	<i>Trích lập dự phòng khoản đầu tư tại Cty con</i>	Tỷ Đồng	-11.6	0.0		-	
5	Tổng Lợi Nhuận Sau Thuế	Tỷ Đồng	11.9	74.9	16%	48.0	25%

Tổng kết năm 2023, tổng doanh thu thuần đạt 150.3 tỷ đồng, đạt 63% so với kế hoạch, giảm 51% so với năm trước.

Lợi nhuận sau thuế từ riêng hoạt động Sản xuất kinh doanh đạt 23.5 tỷ đồng, đạt 49% so với kế hoạch, giảm 66% so với năm trước.

Tổng lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư tại Công ty thành viên Miền Quê đạt 11.9 tỷ đồng, đạt 25% so với kế hoạch, giảm 84% so với năm trước.

B-Về hoạt động Sản xuất kinh doanh Hợp nhất.

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2023	NĂM TRƯỚC	So với năm trước	KẾ HOẠCH	So với Kế Hoạch
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ Đồng	309.5	884.1	35%	536.0	58%
2	LNST hợp nhất	Tỷ Đồng	-20.4	63.4	-32%	43.4	-47%
3	LNST cổ đông công ty mẹ	Tỷ Đồng	0.5	66.2	1%	45.6	1%
4	LNST Cổ đông không kiểm soát	Tỷ Đồng	-20.9	-2.8		-2.2	

- Tổng kết năm 2023, tổng doanh thu hợp nhất đạt 309.5 tỷ đồng, đạt 58% so với kế hoạch, giảm 65% so với năm trước.

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt -20.4 tỷ đồng,

- Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 0.5 tỷ đồng, đạt 1% so với kế hoạch, giảm 99% so với năm trước.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Tình hình tài sản của Công ty theo BCTC riêng:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	31/12/2022	31/12/2023
Tài sản ngắn hạn		106.322	82.481
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	17.286	5.616
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6.041	5.564
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	35.891	31.046
4	Hàng tồn kho	33.536	32.53
5	Tài sản ngắn hạn khác	13.568	7.725
Tài sản dài hạn		297.84	299.453
6	Các khoản phải thu dài hạn	5	7.000
7	Tài sản cố định	109.557	118.209
8	Bất động sản đầu tư	20.754	19.491
9	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	136.505	124.939
10	Tài sản dài hạn khác	31.019	29.813
Tổng cộng tài sản		404.162	381.934

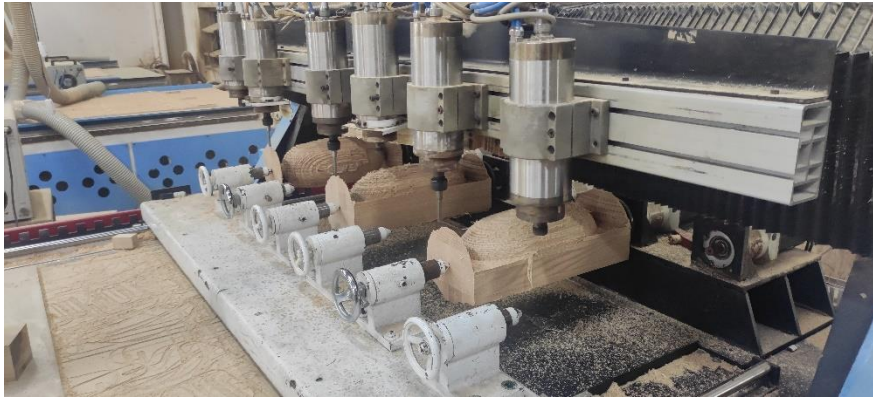
(Nguồn: BCTC riêng năm 2023 được kiểm toán của NHT)

Tình hình tài sản của Công ty theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	31/12/2022	31/12/2023
I	Tài sản ngắn hạn	302.097	174.237
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	25.342	10.464
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	22.331	9.324
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	67.002	44.331
4	Hàng tồn kho	170.385	99.741
5	Tài sản ngắn hạn khác	17.037	10.376
II	Tài sản dài hạn	449.767	424.977
6	Các khoản phải thu dài hạn	203	0.04
7	Tài sản cố định	285.291	228.201
8	Bất động sản đầu tư	20.754	56.619
9	Tài sản dở dang dài hạn	-	2.643
10	Tài sản dài hạn khác	143.519	137.474
Tổng cộng tài sản		751.864	599.214

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 được kiểm toán của NHT)



Tổng tài sản hợp nhất tại thời điểm cuối năm 2023 giảm 20,3% so với thời điểm cuối năm 2022 từ hơn 752 tỷ đồng xuống còn 599 tỷ đồng. Mức giảm tài sản chủ yếu tập trung ở hàng tồn kho và giá trị tài sản cố định. Ngoài ra, tài sản của công ty cũng chủ yếu tập trung tại hàng tồn kho và tài sản cố định khi giá trị 2 khoản mục này lần lượt đạt 99,7 tỷ và 228,2 tỷ đồng.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ phải trả của Công ty theo BCTC riêng:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
I	Nợ ngắn hạn	79.665	78.123
1	Phải trả người bán ngắn hạn	12.329	12.35
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.63	0.662
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.239	2.254
4	Phải trả người lao động	7.275	4.749
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	444	0.242
6	Phải trả ngắn hạn khác	1.447	1.525
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	47.302	56.343
II	Nợ dài hạn	8.016	11.434
1	Phải trả dài hạn khác	1.582	1.582
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	6.435	9.852
	Tổng cộng	87.681	89.557

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023 được kiểm toán của NHT)

Tình hình nợ phải trả của Công ty theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
I	Nợ ngắn hạn	271.298	172.221
1	Phải trả người bán ngắn hạn	45.821	27.036
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.716	0.922
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.46	2.505
4	Phải trả người lao động	13.374	9.863
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	444	0.506
6	Phải trả ngắn hạn khác	2.914	3.222
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	197.569	128.166
II	Nợ dài hạn	44.558	47.39
1	Phải trả dài hạn khác	3.782	5.559
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	6.834	9.852
3	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.942	31.978
	Tổng cộng	315.856	219.61

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 được kiểm toán của NHT)

Tổng nợ của Công ty hợp nhất đã giảm từ gần 316 tỷ đồng (năm 2022) xuống còn xấp xỉ 220 tỷ đồng trong năm 2023, tương đương với mức giảm 30,5%. Mức giảm này chủ yếu đến từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty. Cụ thể, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm từ 197,6 tỷ đồng xuống chỉ còn 128,17 tỷ đồng. Việc trả được tương đối các khoản nợ được đánh giá là dấu hiệu tích cực đối với cơ cấu tài chính của Công ty trong bối cảnh lãi suất thị trường đang rất cao như hiện nay; giúp Công ty giảm thiểu chi phí tài chính và lãi vay.

Các khoản nợ phải trả ngắn hạn vẫn nằm trong tầm kiểm soát, Công ty cũng đã làm việc tích cực với các đối tác và có lộ trình thanh toán cụ thể. Do vậy trong ngắn hạn các khoản nợ phải trả không ảnh hưởng quá nghiêm trọng đến khả năng thanh toán của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cải tiến về bộ máy quản lý

Trong năm 2023, Công ty đã từng bước cải thiện cơ cấu tổ chức và quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chuyên môn hóa cao, dần tách biệt quản trị công ty với quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

Một trong những yếu tố quan trọng về quản trị công ty là sự tham gia cân bằng của các thành viên độc lập, hoặc thành viên không điều hành trong cơ cấu Hội đồng quản trị nhằm nâng cao tính khách quan của cơ quan này trong chức năng giám sát và ra quyết định. Để các thành viên không điều hành hoặc thành viên độc lập phát huy được vai trò giám sát của mình thì bên cạnh việc không

tham gia vận hành doanh nghiệp còn cần phải có những kiến thức và kinh nghiệm phù hợp với hoạt động của Công ty. Tại Nam Hoa, Hội đồng quản trị hoạt động với 05 thành viên, trong đó có 2 thành viên không điều hành và 1 thành viên độc lập kết hợp với sự giám sát của Ban Kiểm soát. Nam Hoa định hướng sự độc lập, minh bạch và khách quan trong công tác quản trị để đề ra những chiến lược mang tính phát triển bền vững phù hợp với hoạt động kinh doanh của toàn Công ty, không vì lợi ích riêng của từng cá nhân nào.

Cải tiến về công tác quản trị

Trong năm 2023, Công ty tiếp tục nghiên cứu triển khai các công nghệ mới trong công tác văn phòng và nhà máy bao gồm các phần mềm quản trị nhằm nâng cao tính chính xác, lưu trữ dữ liệu và kịp thời trong công tác quản lý sản xuất – kinh doanh, khai thác tối đa mọi nguồn lực của Công ty, triệt để tiết kiệm, chống thất thoát và gây lãng phí.

Công ty đã triển khai đánh giá lại, cập nhật, hoàn thiện và phổ biến quy trình về công tác xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm cho các phòng ban cũng như tiếp tục cải tiến và ứng dụng quy trình mới để phục vụ cho công tác hoạch định chiến lược, kiểm soát rủi ro chặt chẽ hơn.

Cải tiến về chính sách đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Với phương châm con người là cốt lõi của sự phát triển, Nam Hoa đã nỗ lực không ngừng để xây dựng Công ty với những người không những phù hợp về năng lực chuyên môn mà còn hòa hợp trong tư duy, văn hóa doanh nghiệp. Bởi lẽ đó đội ngũ cán bộ nhân viên của Nam Hoa đã ngày càng lớn mạnh, sáng tạo, hoàn thiện chuyên môn, kỹ năng. Trong năm 2023, dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc, các hoạt động về nhân sự được triển khai trên những mảng tiêu biểu như sau:

- Tiếp tục duy trì và phát huy các chính sách tốt về lương thưởng, chế độ đãi ngộ, phúc lợi với cán bộ nhân viên.
- Rà soát, đánh giá và thực hiện cải tiến trong hoạt động quản trị nhân sự.
- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nội bộ, xây dựng khối đoàn kết gắn bó.
- Tiếp tục bồi đắp và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp sâu rộng trong đời sống của cán bộ nhân viên.

4. Kế hoạch tăng trưởng, phát triển sản xuất kinh doanh trong năm 2024



Trên cơ sở những kết quả thực hiện năm 2023, trước tình hình dự báo đầy biến động của nền kinh tế Việt Nam và thế giới, cùng với năng lực con người, thương hiệu, uy tín của Công ty, Ban điều hành của Nam Hoa xây dựng kế hoạch năm 2024 với những mục tiêu cụ thể như sau:

- Kế hoạch kinh doanh của công ty mẹ:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2023	Kế Hoạch 2024	Tăng trưởng
1	DOANH THU THUẦN	Tỷ Đồng	150.3	230.0	153.0%
2	LNST từ riêng HĐ SXKD	Tỷ Đồng	23.5	42.0	179.0%
3	Cổ tức nhận từ Cty con	Tỷ Đồng	-	-	
4	trích lập/ hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư từ Cty con	Tỷ Đồng	-11.6	6.6	
5	Tổng Lợi Nhuận Sau Thuế	Tỷ Đồng	11.9	48.6	408.7%

- Kế hoạch kinh doanh của công ty hợp nhất:

STT	KH 2024	ĐVT	NĂM 2023	Kế Hoạch 2024	Tăng trưởng
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ Đồng	309.5	501.4	162.0%
2	LNST hợp nhất	Tỷ Đồng	-20.4	42.5	
3	LNST cổ đông công ty mẹ	Tỷ Đồng	0.5	42.3	8096.5%
4	LNST Cổ đông không kiểm soát	Tỷ Đồng	-20.9	0.3	-1.2%

Giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2024

VỀ NHÂN SỰ

- ❖ Nâng cao hiệu quả công tác quản trị của cán bộ quản lý đảm bảo hoạt động hiệu quả; quy trình hoạch định công việc rõ ràng, hướng về mục tiêu chung
- ❖ Tiếp tục áp dụng hệ thống lương, thưởng trên cơ sở giao kế hoạch và đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Từ đó khuyến khích người lao động cải tiến và phát huy tối đa hiệu suất công việc, đồng thời kích thích tinh thần lao động tích cực của nhân viên
- ❖ Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên; đảm bảo hoàn thành tốt nhất yêu cầu ngày càng cao của công việc

VỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG & QUẢN TRỊ

- ❖ Triển khai các máy móc thiết bị hiện đại hơn nhằm nâng cao năng lực sản xuất & hiệu quả kinh doanh
- ❖ Tiếp tục thực thi & nâng cao năng lực quản trị nhà máy theo mô hình TPS để duy trì mức tăng năng suất lao động ít nhất 10% hàng năm
- ❖ Đầu tư phần mềm quản trị và đưa vào sử dụng hiệu quả

VỀ CÔNG TÁC SẢN XUẤT

- ❖ Trong năm 2024, Nam Hoa tập trung tăng năng lực sản xuất, đáp ứng tiến độ giao hàng cho khách hàng, tăng cường tuyển công nhân kỹ thuật nhằm sử dụng hiệu quả công suất dây chuyền máy móc thiết bị
- ❖ Tiêu chuẩn hóa quy trình sản xuất, vận hành thiết bị; đổi mới, đầu tư nâng cấp thiết bị hiện có, đảm bảo chất lượng sản phẩm
- ❖ Đào tạo nâng cao tay nghề công nhân, tăng hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm
- ❖ Tổ chức quản lý sản xuất hiệu quả tránh lãng phí, giảm tiêu hao vật tư, sử dụng lao động hợp lý nhằm giảm giá thành sản xuất, tăng tính cạnh tranh
- ❖ Báo cáo trên cơ sở kế hoạch sản xuất hàng tuần/tháng/quý và bám sát thực tế sản xuất để kịp thời báo cáo những vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý



5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình. (Tại Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, ý kiến của kiểm toán là chấp thuận toàn phần)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

6.1. Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2023:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Năm 2023 Công ty luôn chăm lo đời sống cho người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thưởng các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

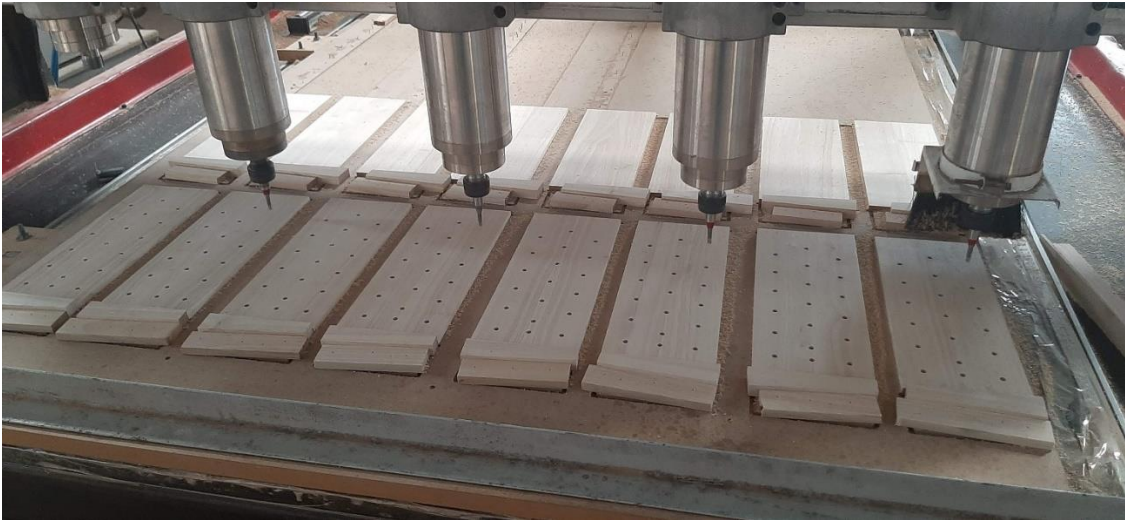
Bên cạnh ý thức thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường hướng đến sự phát triển bền vững, Công ty luôn quan tâm đến các hoạt động thiện nguyện, xã hội do địa phương tổ chức và luôn sẵn sàng hưởng ứng những lời kêu gọi ủng hộ cho cộng đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trên cơ sở đánh giá những thuận lợi và khó khăn, cũng như dựa trên tình hình thực tế, Hội đồng quản trị đã kịp thời thống nhất và đưa ra kế hoạch hoạt động và kinh doanh. Năm 2023, tuy Công ty chưa hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra nhưng lại được đánh giá là khả quan trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế. Kết quả đã thể hiện phần nào nỗ lực và sự linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu Doanh thu thuần của Công ty mẹ thực hiện so với kế hoạch: 63%
- Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ thực hiện so với kế hoạch: 25%
- Chỉ tiêu Doanh thu thuần của Công ty hợp nhất thực hiện so với kế hoạch: 58%
- Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế của Công ty hợp nhất thực hiện so với kế hoạch: 76,11%



Trong năm 2023, bộ máy tổ chức quản lý của Công ty đã ổn định. Công ty đã thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng quy mô về danh mục sản phẩm, đa dạng hóa nguồn thu và tích cực xây dựng thương hiệu của Nam Hoa trên thị trường quốc tế. Với việc chỉ đạo sát sao trong quá trình mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh qua các thương vụ M&A tiềm năng, Nam Hoa định hướng Công ty tìm kiếm các cơ hội mới ngoài mảng xuất khẩu đồ chơi bằng gỗ cốt lõi, lấn sân và mở rộng sang mảng nội thất trang trí, dụng cụ bếp, ... và đang dạng hóa các kênh phân phối mới như thương mại điện tử. Nam Hoa quyết tâm đổi mới mô hình kinh doanh để bắt kịp với xu hướng chung của người tiêu dùng.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị đồng thời cũng chỉ đạo Ban Giám đốc cũng như cán bộ nhân viên của Công ty tham gia đầy đủ các hoạt động xã hội và môi trường cộng đồng tại tất cả các địa phương mà Công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ đóng góp đầy đủ về tài chính trong khả năng của mình. Hội đồng quản trị luôn quán triệt ý thức về đóng góp, xây dựng, bảo vệ môi trường cho toàn bộ cán bộ nhân viên Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2023, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Ban Tổng Giám đốc đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ do HĐQT giao phó, đảm bảo tốt công tác điều hành Công ty theo đúng những mục tiêu, phương hướng mà đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Ban Tổng giám đốc đã duy trì bộ máy nhân sự hợp lý, tận dụng được nguồn nhân lực để phục vụ cho các hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, HĐQT cũng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cần xây dựng kế hoạch thu hút và đào tạo thêm nhiều nhân tài để bổ sung vào lực lượng nhân sự, kịp thời phục vụ cho các công tác triển khai nhiều dự án lớn hơn của Công ty trong thời gian tới.

Nhìn chung, các cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt chức năng và nhiệm vụ được giao, thực hiện sát sao những chỉ đạo của HĐQT cũng như Ban Tổng Giám đốc. Trong thời gian tới, các cán bộ quản lý cần trau dồi và trang bị thêm nhiều kỹ năng, kiến thức để có thể duy trì và làm tốt hơn nữa nhiệm vụ được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Định hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2024 – 2025 của Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

- Doanh thu và Lợi nhuận tăng 30% hàng năm (hồi phục sau suy thoái 2023)
- Tập trung khai thác thị trường trọng điểm Châu Âu
- Chú trọng các sản phẩm truyền thống Decor, Gift, Gia dụng và đồ chơi cao cấp và hướng tới mở rộng sản xuất sang dòng hàng Nội thất cao cấp.
- Nâng cấp, đầu tư MMTB hiện đại, tự động và thay đổi qui trình sx hiện đại để tăng NS, chất lượng , giảm giá thành --> tăng sức cạnh tranh

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ là 05 năm do ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra. Danh sách HĐQT bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đoàn Hương Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Lê Duy Anh	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành
3	Ông Nguyễn Tiến Thọ	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
4	Ông Đoàn Đồng Bằng	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (bỏ nhiệm ngày 22/04/2023)
5	Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập (bỏ nhiệm ngày 22/04/2023)
6	Bà Bùi Thị Minh Tâm	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đã miễn nhiệm ngày 22/04/2023)
7	Ông Phạm Hải Văn	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đã miễn nhiệm ngày 22/04/2023)

Ông Đoàn Hương Sơn – Chủ tịch HĐQT



Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ - Quản trị kinh doanh

Năm sinh: 1973

Ngày bổ nhiệm: 05/06/2020

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/1995 - 11/2006	Công ty liên doanh Unilever – Việt Nam	Trưởng điều hành chi nhánh bán hàng Miền Bắc
12/2006 - 05/2007	Công ty CP sữa Hanoi Milk	Tổng giám đốc
06/2007 - 12/2007	Công ty CP Anco	Tổng giám đốc
01/2008 - 10/2009	Công ty CP Vietsea	Giám đốc
11/2009 – nay	Công ty cổ phần Thương mại Tràng An - Việt Nam	Giám đốc
2010 – nay	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 3- Việt Nam	Thành viên HĐQT
2015 – nay	Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam	Thành viên HĐQT
2018 – nay	Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa	Chủ tịch HĐQT
2019 – nay	Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Miền Quê.	Thành viên HĐQT

Ông Lê Duy Anh – Thành viên HĐQT không điều hành



Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ - Quản trị kinh doanh quốc tế

Năm sinh: 1973

Ngày bổ nhiệm: 05/06/2020

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995 – 1998	Công ty liên doanh beer Rồng vàng	Giám sát kinh doanh, Giám đốc kinh doanh
1998 – 2004	Công ty liên doanh Unilever-Việt Nam	Quản lý bán hàng vùng
2004 – 2006	Công ty Fontera – Việt Nam	Giám đốc bán hàng miền Bắc
2006 – 2008	Công ty Đầu tư và Thương mại LIOA	Giám đốc
2010 – nay	Công ty CP Thương Mại Tràng An – Việt Nam	Thành viên HĐQT
2010 – nay	Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 3- Việt Nam	Thành viên HĐQT
11/2015 – nay	Công ty CP Xuân Hòa Việt Nam	Thành viên HĐQT/ Tổng giám đốc
2018 – nay	Công ty CP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	Thành viên HĐQT
2019 – nay	Công ty CP Sản xuất và Thương mại Miền Quê	Chủ tịch HĐQT

Ông Đoàn Đồng Bằng – Thành viên HĐQT không điều hành

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Năm sinh: 1971

Ngày bổ nhiệm: 22/04/2023

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2002-2007	Công ty Kimberly Clark Việt Nam	Giám đốc bán hàng Chi nhánh Miền Bắc
2007 – 2009	Công ty TNHH Nutrifood Việt Nam	Giám đốc Chi nhánh Miền Bắc
2009 – 2013	Công ty Liên Doanh Bia Carberg	Giám đốc bán hàng và Marketing
2013 – nay	Công ty Đầu tư và Thương mại LIOA	Giám đốc Công ty
2018 – 2020	Công ty CP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	Thành viên HĐQT
2019 – nay	Công ty CP Sản xuất và Thương mại Miền Quê	Thành viên HĐQT
T04/2023 – nay	Công ty CP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Thanh Hải – Thành viên HĐQT độc lập

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Năm sinh: 1975

Ngày bổ nhiệm: 22/04/2023

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1998-2001	Mercedes Benz Viet Nam – Đại lý ủy quyền	Trưởng phòng điều hành Kinh doanh
2001-2007	Công ty BHTN Prudential	Trưởng phòng điều hành PTKD khu vực
2007-2017	Công ty Chứng khoán An Bình	Tổng Giám Đốc
2018	Công ty Chứng khoán Yuanta Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
2019	Tập đoàn quản lý tài sản Trí Việt Công ty Chứng khoán Trí Việt	Cố vấn cấp cao HĐQT
2018 - nay	Trung tâm vì phụ nữ và phát triển cộng đồng (CWCD) Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ Thuật Việt Nam (Vusta)	Chủ tịch Hội đồng quản lý

Ông Nguyễn Tiến Thọ – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc*(Như đã trình bày ở phần Ban Tổng Giám đốc)***Bà Bùi Thị Minh Tâm – Thành viên HĐQT độc lập (đã miễn nhiệm)**

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ chuyên ngành tài chính

Năm sinh: 1973

Ngày bổ nhiệm: 17/11/2020

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/1994 – 03/2003	Công ty TNHH T&T	Kế toán trưởng
04/2003 – 12/2006	Công ty CP Tập đoàn T&T	Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính.
	Công ty TNHH T&T Hưng yên	Giám đốc
01/2007– 12/2012	Công ty cổ phần chứng khoán Sài gòn Hà nội	Phó Tổng Giám đốc (phụ trách tài chính, kế toán lưu ký, nguồn vốn, pháp chế, kiểm soát nội bộ, phân tích và tư vấn đầu tư, môi giới, dịch vụ tài chính, PR và Marketing, Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng).
01/2013 – 10/2014	Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài gòn – Hà nội	Giám đốc
	Công ty cổ phần Thái Sơn – Long an	Thành viên HĐQT
11/2014 – 11/2017	Đại học Công nghệ Queensland, Trường Kinh doanh – Khoa tài chính và kinh tế	Nghiên cứu sinh bậc Tiến sĩ.
12/2017 – 04/2018	Công ty CP Tập đoàn T&T	Phó Tổng Giám đốc phụ trách khối tài chính, kế toán và đầu tư
04/2018 – 12/2018	UDDP – REDD+	Tư vấn độc lập (mảng tài chính)

08/2018 – 10/2018	Tổ chức Sáng kiến Việt nam	Tư vấn độc lập (nghiên cứu khả thi dự án đầu tư)
04/2019 – 03/2020	Công ty CP tư vấn EY	Giám đốc tư vấn chiến lược và giao dịch (chiến lược tăng trưởng, chuyển đổi doanh nghiệp, mua bán sáp nhập, định giá...)
10/2019 – nay	Tổ chức thương mại bền vững IDH (Hà Lan)	Tư vấn độc lập (mảng tài chính)
04/2020 – 06/2020	Công ty cổ phần Vinhomes	Giám đốc tài chính (thử thách CFO)
07/2020 – nay	Công ty CP Tập đoàn T&T	Chủ tịch Công ty T&T Hospitality, T&T Management, T&T Land Tổng Giám Đốc T&T Land
11/2020 – nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	Thành viên HĐQT

Ông Phạm Hải Văn – Thành viên HĐQT độc lập (đã miễn nhiệm)

Trình độ chuyên môn: Đại học

Năm sinh: 1968

Ngày bổ nhiệm: 17/11/2020

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2000 – 02/2010	Công ty TNHH Unilever VN	Giám đốc điều hành
02/2010 – 02/2019	CÔNG ty TNHH Wipro Consumer Care VN	Tổng Giám đốc
	Công ty TNHH Grobest Industrial (Việt Nam)	
11/2019 – nay	Công ty TNHH Grobest Landfound Công ty TNHH Giống Thủy Sản Grobest (VN)	Tổng Giám đốc

11/2020 – nay

Công ty cổ phần sản xuất và thương mại
Nam Hoa

Thành viên HĐQT

b. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị

Ngày 30/6/2022, Hội đồng quản trị đã thành lập Ban kiểm toán nội bộ công ty trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty. Theo đó Ban kiểm toán nội bộ hoạt động theo Quy chế Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, HĐQT đã theo dõi sát sao các hoạt động của Công ty và có những chỉ đạo, đưa ra phương hướng nhanh chóng, kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế. HĐQT đã triệu tập cuộc họp ít nhất một lần một Quý, ban hành các Nghị quyết/Quyết định, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2023-NQHĐQT-NHT	08/02/2023	Nghị quyết ĐHQT về thông qua thanh lý tài sản cố định (xe Toyota Highlander)	5/5
2	02/2023-NQHĐQT-NHT	08/02/2023	Nghị Quyết HĐQT về thông qua giao dịch Công ty mua xe ô tô do ông Đoàn Hương Sơn (CT HĐQT) chuyển nhượng.	5/5
3	03/2023-NQHĐQT-NHT	07/03/2023	Nghị Quyết HĐQT về việc tổ chức ĐHCĐ 2023.	5/5
4	04/2023-NQHĐQT-NHT	25/04/2023	Nghị Quyết HĐQT về việc chi trả cổ tức năm 2022.	5/5
5	05/2023-NQHĐQT-NHT	11/07/2023	Nghị Quyết HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023.	5/5
6	07/2023-NQHĐQT-NHT	12/07/2023	Nghị Quyết HĐQT về việc thông qua giao dịch, hợp đồng với các bên liên quan.	5/5

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Đến thời điểm hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty có 01 thành viên độc lập là Ông Nguyễn Thanh Hải. Trong năm 2023, thành viên độc lập đã có nhiều đóng góp tích cực, đưa ra nhiều ý kiến khách quan, độc lập cho hoạt động của HĐQT; hoàn thành việc giám sát bộ máy quản lý, điều hành, ngăn ngừa xung đột lợi ích, góp phần bảo vệ quyền lợi của cổ đông.

e. Danh sách các thành viên của Hội đồng quản trị đã tham gia các chương trình đào tạo về quản trị Công ty và có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Tất cả các thành viên HĐQT Công ty chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty và chưa tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty theo quy định. Tuy nhiên chúng tôi thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị Công ty và sẽ tham gia khi các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận có các khóa đào tạo phù hợp.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát bao gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua, Trưởng ban do các thành viên BKS bầu, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Đào Ngọc Thu	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Linh Chi	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Đinh Công Hường	Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Đào Ngọc Thu – Trưởng Ban Kiểm soát



Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Năm sinh: 1974

Ngày bổ nhiệm: 05/06/2020

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2002 – 2004	Công ty Park Manufacturing	Kế toán trưởng
2004 – 2007	Công ty Liên doanh LLD	Kế toán trưởng
2007 – 2009	Công ty Cổ phần Liên doanh quốc tế Hải Vân	Kế toán trưởng
2009 – 07/2012	Công ty cổ phần thương mại THÁI HÒA	Kế toán trưởng
2012 – nay	Công ty cổ phần Thương mại Tràng An - Việt Nam	Kế toán trưởng
03/2017 – nay	Công ty CP Xuân Hòa Việt Nam	Trưởng ban kiểm soát
2018 – nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	Trưởng Ban Kiểm soát
2018 – nay	Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Miền Quê	Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Linh Chi – Thành viên Ban Kiểm soát



Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Năm sinh: 1971

Ngày bổ nhiệm: 05/06/2020

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/1995 – 09/2006	Công ty cổ phần Tràng An	Kế toán
10/2006 – 12/2009	Công ty cổ phần Tràng An	Phó phòng tài chính kế toán
01/2010 – 09/2012	Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Tràng An	Kế toán trưởng kiêm trưởng ban kiểm soát Công ty Cp bán kẹo Tràng An 2
10/2012– 02/2017	Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Tràng An	Trưởng phòng điều phối kiêm trưởng ban kiểm soát Công Ty CP ĐT & TM Tràng An
03/2017 – nay	Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Tràng An	Trưởng phòng điều phối
2018 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Đinh Công Hương – Thành viên Ban Kiểm soát



Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Năm sinh: 20/11/1990

Ngày bổ nhiệm: 30/04/2022

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013 - 2017	Công ty cổ phần Sông đà 11	Kế toán tổng hợp
2017 - 2021	Công ty cổ phần Sản xuất và thương mại Miền Quê	Trưởng bộ phận tài chính
2021 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất và thương mại Miền Quê	Kế toán trưởng

2022 - nay

Công ty cổ phần Sản xuất và thương
mại Nam Hoa

Thành viên Ban Kiểm soát

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và theo yêu cầu để nắm tình hình hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát thực hiện:

- Báo cáo cho cổ đông tại ĐHĐCĐ việc giám sát thực hiện hoạt động kinh doanh năm 2022 của Công ty và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát;
- Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai các nghị quyết, quyết định trong năm 2023 của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2023 của Công ty;
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ HĐQT thông qua việc được cung cấp đầy đủ và rõ ràng những thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh cũng như quản trị doanh nghiệp trong các cuộc họp HĐQT. Qua các cuộc họp cùng HĐQT, Ban Kiểm soát đã đóng góp ý kiến một cách thẳng thắn để cùng nhau phân tích, đánh giá đưa ra những quyết định tối ưu nhất vừa tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành vừa tối ưu hóa lợi ích cho tất cả các bên liên quan. Bên cạnh đó, trong quá trình giám sát việc thực hiện hoạt động Công ty, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã nhiệt tình cung cấp các thông tin theo yêu cầu, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ của mình.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

a. Lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thù lao của HĐQT năm 2023:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Ông Đoàn Hương Sơn	Chủ tịch HĐQT	200,000,004
2	Ông Lê Duy Anh	Thành viên HĐQT không điều hành	133,333,332
3	Ông Đoàn Đồng Bằng	Thành viên HĐQT không điều hành	88,888,888
4	Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên HĐQT độc lập	88,888,888
5	Ông Phạm Hải Văn	Thành viên HĐQT độc lập (đã miễn nhiệm)	37,777,776

6	Bà Bùi Thị Minh Tâm	Thành viên HĐQT độc lập (<i>đã miễn nhiệm</i>)	44,444,444
7	Ông Nguyễn Tiến Thọ	Thành viên HĐQT- Tổng Giám Đốc	Trình bày trong phần thu nhập của Tổng Giám Đốc

Thù lao của Ban Kiểm soát năm 2023:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Bà Đào Ngọc Thu	Trưởng Ban Kiểm soát	133.333.333
2	Bà Nguyễn Thị Linh Chi	Thành viên Ban Kiểm soát	39.999.996
3	Ông Đinh Công Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	39.999.996

Thu nhập của Ban điều hành năm 2023:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Tiến Thọ	Tổng Giám đốc – kiêm thành viên Hội đồng quản trị	1.070.351.995
2	Ông Lưu Vũ Sơn	Phó Tổng Giám đốc	687.461.102
3	Ông Phạm Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc	473.042.934

b. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu trước khi giao dịch		Số cổ phiếu sở hữu sau khi giao dịch		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Lưu Vũ Sơn	Phó Tổng Giám Đốc	85.730	0,36%	88.630	0.37%	Do nhu cầu cá nhân

c. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ*
Không có.

d. *Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do người nội bộ của công ty nắm quyền kiểm soát*

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Tiên Thọ	Tổng Giám Đốc			Trong năm 2022 và 2023	<p>- Nghị quyết HĐQT số: 01B/2022-NQHĐQT-NHT ngày 06/01/2022</p> <p>Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2023 số 01/NQ.ĐHĐCĐTN/2023 Ngày 22/04/2023</p> <p>Nghị quyết HĐQT số: 07/2023-NQHĐQT-NHT Ngày 12/07/2023</p>	<p>- Trong năm 2022 ông Thọ cho Cty Miền Quê mượn 500.000.000 (lãi suất 0%).</p> <p>- Trong năm 2023 Ông Thọ cho công Cty Miền Quê mượn thêm 500.000.000 (lãi suất 0%).</p> <p>- Trong năm 2023 Công ty Miền Quê đã hoàn trả đủ 1.000.000.000 cho ông Thọ.</p> <p>- Trong năm 2022 ông Thọ cho Cty Miền Quê mượn 500.000.000 (lãi suất 0%).</p> <p>- Trong năm 2023 Ông Thọ cho công Cty Miền Quê mượn thêm 500.000.000 (lãi suất 0%).</p> <p>- Trong năm</p>	

								2023 Công ty Miền Quê đã hoàn trả đủ 1.000.000.000 cho ông Thọ.
--	--	--	--	--	--	--	--	---

4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Trong năm, tất cả các bộ phận đều thực hiện tốt công tác quản trị Công ty theo Nghị định 155/2020/NĐ- CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty luôn chấp hành tốt và đầy đủ các quy định của Pháp luật hiện hành về quản trị Công ty đại chúng.

Hoạt động kiểm toán nội bộ: Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ, theo đó Bộ phận kiểm toán nội bộ có trách nhiệm thực hiện kiểm tra, đánh giá đầy đủ hiệu quả quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ cũng như chất lượng hiệu suất trong việc thực thi nhiệm vụ được giao và đưa ra các khuyến nghị hoàn thiện để đạt được mục tiêu, mục đích của Công ty.

Theo đánh giá của thành viên HĐQT độc lập, trong năm 2023:

- Các hoạt động của HĐQT trong năm 2023 tuân thủ Điều lệ công ty, Quy chế quản trị công ty và quy định pháp luật.
- Tất cả các thành viên HĐQT đã tuân thủ các quy định trong việc tham gia các cuộc họp HĐQT, thảo luận, biểu quyết độc lập, khách quan trên cơ sở đảm bảo cao nhất lợi ích của công ty.
- HĐQT đã đề xuất giải pháp hiệu quả, kịp thời hỗ trợ để Ban Tổng Giám đốc trong quá trình vận hành công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Trong năm 2023, mặc dù chịu ảnh hưởng rất lớn từ biến động không lường trước được của thị trường, HĐQT luôn đồng hành, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc để điều hành công ty vượt qua giai đoạn khó khăn, thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Các hoạt động quan hệ với nhà đầu tư đã thực hiện trong năm:

- + Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo quy định pháp luật
- + Thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ về công bố thông tin theo quy định pháp luật; đảm bảo tính trung thực, minh bạch, công khai, kịp thời của công bố thông tin.
- Các kế hoạch tăng cường hiệu quả trong quản trị công ty:
 - + Liên tục cập nhật những quy định mới, cử cán bộ chuyên trách theo dõi và báo cáo thường xuyên.

+ Chủ động tăng cường minh bạch hóa thông tin của Công ty cho các cổ đông thông qua cập nhật các thông tin về tình hình hoạt động Công ty trên website và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định.

VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Công ty hiện không thực hiện kiểm định lượng phát thải khí nhà kính của riêng Công ty. Tuy nhiên để giảm thiểu tối đa tác động lên môi trường, Công ty đã chỉ đạo và khuyến khích các cán bộ nhân viên và thành viên của Công ty thực hiện tiết kiệm tối đa các nguồn năng lượng, giảm thiểu phát thải khí nhà kính bằng nhiều biện pháp như:

- + Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, tiết kiệm nước
- + Sử dụng điều hòa một cách hợp lý
- + Sử dụng bóng đèn LED ...



2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty chủ yếu sử dụng nguyên vật liệu đầu vào có thể tái chế được và kiểm soát nguồn nhiên liệu đầu vào thân thiện với môi trường.

Nhằm giảm thiểu tối đa các tác động bất lợi tới môi trường, Công ty luôn chú trọng xây dựng và giám sát quy trình nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào từ khâu lựa chọn nhà cung cấp, trao đổi,

đàm phán, tính toán định mức vật tư cho sản phẩm, ... để tránh lãng phí, xả thải không cần thiết tới môi trường xung quanh.



Trong quá trình sản xuất, lượng dăm bào và củ vụn phế phẩm (chiếm khoảng 10-12% tổng số nguyên liệu gỗ đầu vào) được công ty tập trung và bán cho các công ty khác để làm nguyên liệu cho các sản phẩm viên nén gỗ, viên nén năng lượng ... giúp tận dụng tối đa nguồn gỗ phụ phẩm, tiết kiệm chi phí, bảo vệ môi trường đồng thời cũng đem lại một phần lợi nhuận cho công ty.

3. Tiêu thụ năng lượng

Điện năng được Công ty sử dụng chủ yếu cho hoạt động sản xuất tại các nhà máy và hoạt động văn phòng của Công ty.

Lượng điện năng tiêu thụ của Công ty trong năm 2023 như sau:

Khối lượng (Kwh)	Thành tiền – chi phí (đồng)	Nguồn cung cấp
808.149	1.616.297.754	CN Tổng công ty Điện lực HCM TNHH – Công ty điện lực Củ Chi

424.780	849.561.505	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO
---------	-------------	---

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Công ty luôn khuyến khích các cán bộ nhân viên của công ty thực hiện nghiêm túc các biện pháp tiết kiệm năng lượng như: tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, sử dụng điều hòa một cách hợp lý, ưu tiên sử dụng bóng đèn LED để tiết kiệm điện ... Ngoài ra, Công ty cũng có một bộ phận thường xuyên theo dõi hoạt động sản xuất tại nhà máy, chú trọng phân bổ sử dụng máy móc và dây chuyền hợp lý, giảm tổn thất điện năng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhờ đó Công ty có thể giảm thiểu chi phí, vừa có thể góp phần giảm thiểu tác động gây hại lên môi trường.

4. Tiêu thụ nước

Nguồn nước được Công ty sử dụng cho mục đích sản xuất tại nhà máy và sinh hoạt cho hoạt động văn phòng của Công ty. Công ty sử dụng nguồn cấp nước do các cơ quan, doanh nghiệp được cấp phép hoạt động.

Lượng nước tiêu thụ của Công ty trong năm 2023 như sau:

Khối lượng (m3)	Thành tiền – chi phí (đồng)	Nguồn cung cấp
4.352	41.779.200	CTCP Phát triển đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD)
5.306	61.016.168	Cty CP Cấp Nước Nhơn Trạch

Công ty luôn chủ trương tiết kiệm nước, chỉ sử dụng nguồn nước khi thực sự cần thiết để tránh lãng phí và góp phần bảo vệ môi trường. Trong năm 2023, kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải và quy trình xử lý nước thải tại nhà máy của Công ty cho thấy hệ thống xử lý nước thải của Công ty hoạt động bình thường, đạt quy chuẩn và không có sự cố phát sinh trong quá trình xả thải gây ô nhiễm tới môi trường xung quanh nhà máy.

5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Công ty luôn tuân thủ việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định đối với các dự án do công ty thực hiện.

6. Chính sách liên quan đến người lao động

Năm 2023, Công ty luôn chăm lo đời sống cho Người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thưởng các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết Người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động đào tạo nội bộ cho cán bộ nhân viên trong công ty về kỹ năng, kiến thức chuyên sâu áp dụng trong từng mảng hoạt động của Công ty nhằm phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn ý thức việc xây dựng một môi trường làm việc đảm bảo mọi người lao động đều được an toàn, khỏe mạnh có cơ hội phát triển, nuôi sống được bản thân, gia đình,... tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động địa phương là một trách nhiệm xã hội lớn mà Công ty đã làm được. Bên cạnh những nỗ lực, cố gắng trong sản xuất kinh doanh, Công ty xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp xã hội. Hằng năm, Công ty luôn dành một phần lợi nhuận của mình để thực hiện các hoạt động mang tính cộng đồng, góp phần cải thiện đời sống xã hội trên tinh thần giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn bất hạnh trong cuộc sống, cùng góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp, nhân văn.

Bên cạnh những đóng góp vào sự phát triển cộng đồng, chúng tôi cũng làm tốt trách nhiệm của mình trong việc đảm bảo môi trường sống của cộng đồng địa phương bằng việc thực hiện nghiêm túc và tự giác các quy định và giải pháp về môi trường.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

Số nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đoàn Hương Sơn	Chủ tịch
Ông Lê Duy Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Thọ	Thành viên
Ông Đoàn Đồng Bằng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2023)
Bà Bùi Thị Minh Tâm	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2023)
Ông Phạm Hải Văn	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2023)

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đào Ngọc Thu	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Linh Chi	Thành viên
Ông Đinh Công Hường	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Tiến Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Vũ Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Cường	Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Tiến Thọ - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

Số nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được ghi chép một cách phù hợp, lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Tiên Phụng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số: 077/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (“Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024, từ trang 04 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (gọi chung là “Báo cáo tài chính riêng”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Ngọc Thạch
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024



Phạm Hoàng Việt
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 4924-2024-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		82.480.700.962	106.322.314.066
I. Tiền	110	4	5.616.332.917	17.285.946.692
1. Tiền	111		5.616.332.917	17.285.946.692
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	5.563.726.791	6.040.945.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		6.548.801.961	8.057.761.061
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(985.075.170)	(2.016.816.061)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.045.539.390	35.891.123.036
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	23.890.156.088	21.536.542.076
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	7.827.344.171	3.541.428.561
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	9.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	394.284.652	1.915.701.269
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.066.245.521)	(102.548.870)
IV. Hàng tồn kho	140	10	32.530.483.198	33.535.988.380
1. Hàng tồn kho	141		33.774.528.291	34.780.033.473
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.244.045.093)	(1.244.045.093)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.724.618.666	13.568.310.958
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.000.303.929	638.405.407
2. Thuê GTGT được khấu trừ	152		6.698.855.026	12.917.327.412
3. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	25.459.711	12.578.139
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		299.452.892.895	297.840.050.703
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.000.000.000	5.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	7.000.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		118.209.244.105	109.556.915.351
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	118.135.957.105	109.390.770.367
- Nguyên giá	222		155.474.610.570	138.495.475.302
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.338.653.465)	(29.104.704.935)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	73.287.000	166.144.984
- Nguyên giá	228		844.290.000	844.290.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(771.003.000)	(678.145.016)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	19.491.473.732	20.754.128.039
- Nguyên giá	231		40.722.467.855	40.722.467.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(21.230.994.123)	(19.968.339.816)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		124.939.234.500	136.504.732.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5	136.504.732.000	136.504.732.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.565.497.500)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		29.812.940.558	31.019.275.313
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	29.812.940.558	31.019.275.313
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		381.933.593.857	404.162.364.769

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		89.556.879.287	87.681.482.196
I. Nợ ngắn hạn	310		78.123.047.105	79.665.229.134
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	12.349.577.330	12.328.610.211
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		661.691.774	2.629.625.081
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.253.779.774	8.239.445.517
4. Phải trả người lao động	314		4.748.628.411	7.274.545.416
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		241.716.741	444.410.994
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	1.524.601.728	1.446.617.674
7. Vay ngắn hạn	320	18	56.343.051.347	47.301.974.241
II. Nợ dài hạn	330		11.433.832.182	8.016.253.062
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	1.581.720.000	1.581.720.000
2. Vay dài hạn	338	18	9.852.112.182	6.434.533.062
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		292.376.714.570	316.480.882.573
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	292.376.714.570	316.480.882.573
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		240.281.690.000	240.281.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		240.281.690.000	240.281.690.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52.095.024.570	76.199.192.573
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		40.193.645.573	1.296.249.114
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.901.378.997	74.902.943.459
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		381.933.593.857	404.162.364.769



Nguyễn Tiên Thọ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Đức Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Vân
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		153.649.636.811	309.247.473.341
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.315.247.889	2.091.719.903
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	150.334.388.922	307.155.753.438
4. Giá vốn hàng bán	11	23	105.011.633.032	197.136.085.688
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		45.322.755.890	110.019.667.750
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.846.391.044	7.798.912.794
7. Chi phí tài chính	22	26	15.888.917.465	11.300.352.775
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	3.550.051.185	3.712.227.592
8. Chi phí bán hàng	25	27	6.626.315.987	10.607.463.690
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	12.278.130.538	12.818.872.533
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		13.375.782.944	83.091.891.546
11. Thu nhập khác	31		1.827.539.963	1.518.882.229
12. Chi phí khác	32		976.142.106	1.499.102.335
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		851.397.857	19.779.894
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		14.227.180.801	83.111.671.440
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	2.325.801.804	8.208.727.981
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		11.901.378.997	74.902.943.459



Nguyễn Tiến Thọ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Đức Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Vân
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.227.180.801	83.111.671.440
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	10.016.820.275	9.882.682.725
- Các khoản dự phòng	03	11.497.453.260	2.016.816.061
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(140.831.243)	356.651.501
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(774.400.574)	(5.927.689.678)
- Chi phí lãi vay	06	3.550.051.185	3.712.227.592
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	38.376.273.704	93.152.359.641
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(6.824.309.106)	(6.220.139.006)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.005.505.182	9.842.628.469
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.726.732.946)	(9.969.564.540)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	844.436.233	2.198.082.459
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	1.508.959.100	(8.057.761.061)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.855.064.736)	(4.017.241.143)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.208.727.981)	(2.594.715.795)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	18.120.339.450	74.333.649.024
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(18.152.510.828)	(3.165.894.163)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	2.003.636.364	-
3. Tiền chi cho vay	23	-	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	9.000.000.000	1.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	808.874.756	5.902.462.844
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.339.999.708)	(6.263.431.319)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	133.331.642.334	199.170.839.491
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(121.202.574.527)	(270.342.552.064)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(36.005.547.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(23.876.479.193)	(71.171.712.573)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(12.096.139.451)	(3.101.494.868)
Tiền đầu năm	60	17.285.946.692	19.805.129.366
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	426.525.676	582.312.194
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5.616.332.917	17.285.946.692



Nguyễn Tiên Thọ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Đức Cường
Kê toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Vân
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303292182 ngày 11 tháng 5 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 21 tháng 11 năm 2023.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 485 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 495 người).

Trụ sở

Công ty đăng ký trụ sở tại số 71/4A, Khu phố 7, đường Hiệp Phước Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã cho thuê toàn bộ nhà xưởng tại địa chỉ này.

Ngoài ra, Công ty có:

+ Nhà máy và Văn phòng làm việc tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

+ Nhà máy tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Sản xuất và thương mại.

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất và kinh doanh đồ dùng gia đình, trang trí nội thất và các sản phẩm đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Đồng thời, Báo cáo tài chính riêng cũng được lập và phát hành cùng Báo cáo tài chính Hợp nhất, theo đó đề có thông tin đầy đủ thì người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc Báo cáo tài chính này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại Thuyết minh số 15;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b và c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, chứng khoán kinh doanh, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm: Chi phí bảo hiểm đã mua trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 01 năm.

Tiền thuê đất: Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng, phân bổ theo thời gian thuê.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm. Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 36
Máy móc, thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 06
Tài sản cố định khác	08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Chương trình phần mềm máy tính**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 05 đến 25 năm.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu là chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến nay mới phát sinh chiết khấu, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng năm hiện hành: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng năm hiện hành.
- Nếu khoản chiết khấu, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng năm hiện hành: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng năm phát sinh khoản chiết khấu, trả lại.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, do đó Công ty không trình bày giao dịch với các bên liên quan trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, do đó Công ty không trình bày chi tiêu lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	7.088.142	208.532.552
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.609.244.775	17.077.414.140
Cộng	<u>5.616.332.917</u>	<u>17.285.946.692</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOASố nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17,
Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Chứng khoán kinh doanh						
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (cổ phiếu TCB)	1.316.701.150	(362.701.150)	954.000.000	1.316.701.150	(541.201.150)	775.500.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (cổ phiếu VPB)	1.203.068.620	(184.508.620)	1.018.560.000	1.203.068.620	(253.473.620)	949.595.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM (cổ phiếu HDB)	1.113.390.000	-	1.167.250.000	1.113.390.000	(315.890.000)	797.500.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (cổ phiếu MBB)	804.735.200	(75.520.200)	729.215.000	804.735.200	(223.335.200)	581.400.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (cổ phiếu MSB)	765.612.000	(258.612.000)	507.000.000	765.612.000	(278.112.000)	487.500.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect (cổ phiếu VND)	481.462.800	(36.462.800)	445.000.000	481.462.800	(211.462.800)	270.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (cổ phiếu SSI)	341.823.241	-	442.800.000	341.823.241	(102.873.241)	238.950.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (cổ phiếu CTG)	338.270.400	(67.270.400)	271.000.000	338.270.400	(65.770.400)	272.500.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (cổ phiếu HPG)	183.738.550	-	279.500.000	183.738.550	(3.738.550)	180.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (cổ phiếu GEX)	-	-	-	1.508.959.100	(20.959.100)	1.488.000.000
Cộng	6.548.801.961	(985.075.170)	5.814.325.000	8.057.761.061	(2.016.816.061)	6.040.945.000
b) Đầu tư vào Công ty con						
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê (i)	136.504.732.000	(11.565.497.500)	(*)	136.504.732.000	-	(*)
Cộng	136.504.732.000	(11.565.497.500)		136.504.732.000	-	

(i) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê với tỷ lệ 51% tổng vốn điều lệ. Hoạt động chính của Miền Quê là sản xuất và kinh doanh đồ dùng gia đình, trang trí nội thất bằng gỗ. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê có lỗi trong năm 2023 và tổng lỗ lũy kế tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

(*) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch chủ yếu sau với Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<u>Cho vay</u>		
Chuyển gốc vay	-	10.000.000.000
Thu hồi gốc cho vay	9.000.000.000	1.000.000.000
Lãi cho vay	151.726.028	147.780.823
Thu tiền lãi vay	189.205.481	-
<u>Bán hàng</u>		
Bán tài sản cố định	183.055.190	1.140.000.000
Bán nguyên vật liệu	2.173.738.626	34.918.615
Thu tiền bán hàng	2.932.979.540	-
<u>Mua hàng</u>		
Mua tài sản cố định	183.055.190	377.840.907
Mua nguyên vật liệu	8.212.629.681	130.684.920
Trả lại nguyên vật liệu đã mua	5.542.540.692	-
Chi phí dịch vụ	1.301.779.665	-
Chi phí thuê nhà xưởng	3.574.900.000	-
Đặt cọc thuê nhà xưởng	7.000.000.000	-
Trả tiền mua hàng	13.314.046.873	559.358.175
<u>Cổ tức</u>		
Nhận cổ tức	-	5.750.100.000

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Rosendahl Design Group	17.007.879.443	14.583.490.791
Stanley Black & Decker Limited BVBA	2.968.057.428	-
Công ty Cổ phần SX và TM Miền Quê	1.018.077.119	1.439.492.927
Spring Copenhagen	992.108.777	2.185.453.191
Các khách hàng khác	1.904.033.321	3.328.105.167
Cộng	23.890.156.088	21.536.542.076

Một phần giá trị các khoản công nợ phải thu được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (Xem thuyết minh số 18).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần SX và TM Miền Quê	5.500.859.631	-
Global Timber	-	1.821.705.762
Các nhà cung cấp khác	2.326.484.540	1.719.722.799
Cộng	7.827.344.171	3.541.428.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	394.284.652	1.915.701.269
Ký quỹ, ký cược	-	1.500.000.000
Tạm ứng	65.718.301	191.201.200
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	177.475.690	100.939.127
Các đối tượng khác	151.090.661	123.560.942
b) Dài hạn	7.000.000.000	5.000.000
Ký quỹ, ký cược (i)	7.000.000.000	5.000.000

(i) Đây là khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê theo Hợp đồng thuê nhà xưởng ngày 01 tháng 5 năm 2023 và Phụ lục Hợp đồng ngày 01 tháng 9 năm 2023.

9. NỢ XẤU

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị</u> <u>có thể thu</u>	<u>Thời gian</u> <u>quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị</u> <u>có thể thu</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách						
ORDA KOREA CO., LTD.	79.221.374	-	Trên 3 năm	79.221.374	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ Phần Quốc Tế TopCom	23.327.496	-	Trên 3 năm	23.327.496	-	Trên 3 năm
ARCHITECHMADE A/S	963.696.651	-	Trên 3 năm	963.696.651	963.696.651	-
Cộng	1.066.245.521	-	-	1.066.245.521	963.696.651	-

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	18.933.332.698	(232.830.488)	22.425.681.804	(232.830.488)
Công cụ, dụng cụ	391.874.014	(31.921.844)	376.770.817	(31.921.844)
Chi phí SXKD dở dang	9.994.821.297	-	7.104.981.621	-
Thành phẩm	4.279.294.235	(979.292.761)	4.610.065.248	(979.292.761)
Hàng hóa	10.625.034	-	-	-
Hàng gửi bán	164.581.013	-	262.533.983	-
Cộng	33.774.528.291	#####	34.780.033.473	#####

Một phần giá trị hàng tồn kho được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (Xem thuyết minh số 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.000.303.929	638.405.407
Công cụ dụng cụ xuất dùng	380.757.289	32.110.648
Chi phí bảo hiểm	14.935.302	360.833.445
Các khoản khác	604.611.338	245.461.314
b) Dài hạn	29.812.940.558	31.019.275.313
Tiền thuê đất (i)	29.379.276.700	30.326.995.300
Công cụ dụng cụ xuất dùng	101.158.750	223.284.212
Các khoản khác	332.505.108	468.995.801
Cộng	30.813.244.487	31.657.680.720

- (i) Đây là giá trị tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, được Công ty phân bổ trong thời gian 426 tháng kể từ tháng 7 năm 2019.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Thuế xuất, nhập khẩu	12.578.139	57.306.090	(44.727.951)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	(25.459.711)	25.459.711
Cộng	12.578.139	57.306.090	(70.187.662)	25.459.711
b) Phải nộp				
Thuế GTGT	186.119.429	-	-	186.119.429
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	914.941.995	(914.941.995)	-
Thuế thu nhập cá nhân	102.739.566	2.735.992.239	(2.838.731.805)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.950.586.522	2.325.801.804	(8.208.727.981)	2.067.660.345
Các loại thuế khác	-	228.892.398	(228.892.398)	-
Cộng	8.239.445.517	6.205.628.436	(12.191.294.179)	2.253.779.774

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOASố nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17,
Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	96.599.160.735	37.906.482.579	3.587.594.088	300.462.900	101.775.000	138.495.475.302
- Mua trong năm	-	7.332.005.500	2.416.455.190	-	-	9.748.460.690
- Đầu tư XDCB hoàn thành	8.739.199.768	-	-	-	-	8.739.199.768
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.508.525.190)	-	-	(1.508.525.190)
Số dư cuối năm	105.338.360.503	45.238.488.079	4.495.524.088	300.462.900	101.775.000	155.474.610.570
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	12.678.590.032	14.589.947.689	1.553.155.896	239.281.058	43.730.260	29.104.704.935
- Khấu hao trong năm	3.882.959.928	4.265.444.670	492.874.846	7.306.668	12.721.872	8.661.307.984
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(427.359.454)	-	-	(427.359.454)
Số dư cuối năm	16.561.549.960	18.855.392.359	1.618.671.288	246.587.726	56.452.132	37.338.653.465
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	83.920.570.703	23.316.534.890	2.034.438.192	61.181.842	58.044.740	109.390.770.367
Tại ngày cuối năm	88.776.810.543	26.383.095.720	2.876.852.800	53.875.174	45.322.868	118.135.957.105

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị là 2.233.359.470 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.231.563.220 VND).

Nhà cửa, vật kiến trúc và Máy móc, thiết bị đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (Xem thuyết minh số 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	844.290.000	844.290.000
Số dư cuối năm	844.290.000	844.290.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	678.145.016	678.145.016
- Khấu hao trong năm	92.857.984	92.857.984
Số dư cuối năm	771.003.000	771.003.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	166.144.984	166.144.984
Tại ngày cuối năm	73.287.000	73.287.000

Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị là 380.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 380.000.000 VND).

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	37.257.042.855	3.465.425.000	40.722.467.855
Số dư cuối năm	37.257.042.855	3.465.425.000	40.722.467.855
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	19.968.339.816	-	19.968.339.816
- Khấu hao trong năm	1.262.654.307	-	1.262.654.307
Số dư cuối năm	21.230.994.123	-	21.230.994.123
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	17.288.703.039	3.465.425.000	20.754.128.039
Tại ngày cuối năm	16.026.048.732	3.465.425.000	19.491.473.732

Đây là các tài sản là Nhà xưởng và Quyền sử dụng đất tại địa chỉ Số 71/4A, Khu phố 7, Đường Hiệp Phước Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã cho thuê theo hợp đồng thuê tài sản ký ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa Công ty và Công ty TNHH Goldfinger. Thời hạn thuê theo hợp đồng là 5 năm kể từ thời điểm ký biên bản bàn giao nhà xưởng ngày 01 tháng 12 năm 2020.

Nhà xưởng và Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (Xem thuyết minh số 18).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

STT	Danh mục bất động sản đầu tư	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà xưởng nhà máy 1	29.473.035.327	13.557.596.238	15.915.439.089
2	Hệ thống dây điện xưởng	4.429.188.116	4.429.188.116	-
3	Lắp đặt hệ thống thang máy	826.648.409	826.648.409	-
4	Hệ thống dây điện xưởng 1	238.314.400	238.314.400	-
5	Phí bảo hiểm rủi ro xây dựng NMI	49.950.000	22.977.000	26.973.000
6	Đường ống sắt tráng kẽm hệ thống chữa cháy vách tường	100.108.000	98.022.448	2.085.552
7	Khoang Giếng Công nghiệp	43.906.000	43.906.000	-
8	Hệ thống PCCC NMI	837.297.513	837.297.513	-
9	Tường rào nhà xưởng	200.000.000	200.000.000	-
10	Hệ thống thang thoát hiểm	110.909.090	110.909.090	-
11	Mái hiên nhà kho (HĐ 20/06/2018 HĐKT)	124.200.000	124.200.000	-
12	Mái hiên nhà kho theo HĐ số 10/07/2018 HĐKT ngày 12/07/2018	79.719.000	79.719.000	-
13	Mái hiên nhà kho theo HĐ số 08/08/2018 HĐKT ngày 08/08/2018	132.912.000	132.912.000	-
14	Máy bơm chữa cháy Diesel hyundai D4BB	133.000.000	133.000.000	-
15	Hệ thống xử lý nước thải	345.610.000	345.610.000	-
16	Thi công lắp đặt hệ thống báo cháy	132.245.000	50.693.909	81.551.091
17	Quyền sử dụng đất	3.465.425.000	-	3.465.425.000
Cộng		40.722.467.855	21.230.994.123	19.491.473.732

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị là 7.501.704.528 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6.815.650.038 VND).

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD)	7.401.682.288	7.401.682.288	7.401.682.288	7.401.682.288
Công ty Cổ phần In Sao Việt Nhật	1.509.279.965	1.509.279.965	-	-
Công ty TNHH SX-TM Hóa keo Bình Thạnh	-	-	1.267.382.325	1.267.382.325
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ An Thịnh Phúc	-	-	1.999.460.126	1.999.460.126
Các nhà cung cấp khác	3.438.615.077	3.438.615.077	1.660.085.472	1.660.085.472
Cộng	12.349.577.330	12.349.577.330	12.328.610.211	12.328.610.211

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOASố nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17,
Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.524.601.728	1.446.617.674
Kinh phí công đoàn	147.526.212	122.657.784
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	94.029.248	303.708.037
Nhận ký quỹ, ký cược	500.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải trả khác	783.046.268	20.251.853
b) Dài hạn	1.581.720.000	1.581.720.000
Nhận ký quỹ, ký cược	1.581.720.000	1.581.720.000

18. VAY

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Số có khả năng</u>				<u>Số có khả năng</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>trả nợ</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Giá trị</u>	<u>trả nợ</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	47.301.974.241	47.301.974.241	130.243.651.633	(121.202.574.527)	56.343.051.347	56.343.051.347
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (i)	42.152.084.103	42.152.084.103	119.324.065.771	(115.444.578.527)	46.031.571.347	46.031.571.347
Vay dài hạn đến hạn trả (ii)	5.149.890.138	5.149.890.138	10.919.585.862	(5.757.996.000)	10.311.480.000	10.311.480.000
b) Vay dài hạn	6.434.533.062	6.434.533.062	14.337.164.982	(10.919.585.862)	9.852.112.182	9.852.112.182
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (ii)	6.434.533.062	6.434.533.062	14.337.164.982	(10.919.585.862)	9.852.112.182	9.852.112.182
Cộng	53.736.507.303	53.736.507.303	144.580.816.615	(132.122.160.389)	66.195.163.529	66.195.163.529

(i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Chợ lớn, lãi suất cho vay theo từng khế ước và tùy thuộc vào từng thời kỳ, khoản vay nhằm tài trợ cho việc thanh toán nhập khẩu/ mua hàng hóa/ nguyên vật liệu và bổ sung vốn lưu động.

Tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ 71/4a khu phố 7, Đường Hiệp Thành 13, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ Lô C5-9, KCN Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bơm, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh.
- Máy móc thiết bị được nhập khẩu theo hợp đồng thế chấp số PBVN_CLN/000624/18.
- Các khoản phải thu với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 3.000.000.000 VND và 600.000 USD.
- Hàng tồn kho với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 20.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. VAY (Tiếp theo)**

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Chợ lớn, lãi suất cho vay theo từng kế ước và tùy thuộc vào từng thời kỳ nhằm mục đích mua máy móc thiết bị nhập khẩu.

Tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ 71/4a khu phố 7, Đường Hiệp Thành 13, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và máy móc thiết bị.
- Tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ Lô C5-9, KCN Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bơm, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh.

Lịch trả nợ các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.311.480.000	5.149.890.138
Trong năm thứ hai	6.303.636.000	5.149.890.138
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.548.476.182	1.284.642.924
Tổng cộng	20.163.592.182	11.584.423.200
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay ngắn hạn)	10.311.480.000	5.149.890.138
Số phải trả sau 12 tháng	9.852.112.182	6.434.533.062

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**Đơn vị: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm trước	154.115.410.000	87.462.529.114	241.577.939.114
Lợi nhuận trong năm trước	-	74.902.943.459	74.902.943.459
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	86.166.280.000	(86.166.280.000)	-
Số dư cuối năm trước	240.281.690.000	76.199.192.573	316.480.882.573
Lợi nhuận trong năm nay	-	11.901.378.997	11.901.378.997
Chia cổ tức (i)	-	(36.005.547.000)	(36.005.547.000)
Số dư cuối năm	240.281.690.000	52.095.024.570	292.376.714.570

Dựa theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 đã được thông qua trong Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐTN/2023 ngày 22 tháng 4 năm 2023 của Đại Hội đồng Cổ đông, Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2022 bằng 15% mệnh cổ phiếu phổ thông với tổng giá trị là 36.005.547.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)*****Vốn điều lệ***

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303292182 sửa đổi lần 12 ngày 21 tháng 11 năm 2023, Vốn điều lệ của Công ty là 240.281.690.000 VND, tương đương 24.028.169 cổ phần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, chi tiết Vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Đoàn Hương Sơn	5.864.212	24,41%	5.864.212	24,41%
Ông Lê Duy Anh	3.120.000	12,98%	3.120.000	12,98%
Bà Bùi Thị Hiên	2.398.206	9,98%	2.398.206	9,98%
Bà Trần Thị Thanh Hương	1.560.000	6,49%	1.560.000	6,49%
Ông Nguyễn Tiến Thọ	803.790	3,35%	803.790	3,35%
Cổ phiếu quỹ	24.471	0,10%	24.471	0,10%
Các cổ đông khác	10.257.490	42,69%	10.257.490	42,69%
Tổng cộng	24.028.169	100%	24.028.169	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng Cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.028.169	24.028.169
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.028.169	24.028.169
- Số lượng cổ phiếu quỹ	24.471	24.471
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.471	24.471
- Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành	24.003.698	24.003.698
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.003.698	24.003.698

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ tức đã thanh toán trong năm nay là 36.005.547.000 VND (năm trước là 0 VND).

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	187.629,04	613.737,72
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	140,00	233,96

21. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh các mặt hàng đồ chơi, đồ gia dụng từ gỗ tạo ra toàn bộ doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất các mặt hàng đồ chơi, đồ gia dụng từ gỗ. Mặc dù Công ty có bán hàng trong nước và xuất khẩu, tuy nhiên, toàn bộ hoạt động sản xuất đều diễn ra tại một khu vực địa lý là miền Nam Việt Nam, vì vậy Công ty không trình bày thêm thông tin bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	153.649.636.811	309.247.473.341
Doanh thu bán thành phẩm trong nước	2.497.213.903	418.048.682
Doanh thu bán thành phẩm xuất khẩu	143.814.198.167	301.684.050.940
Doanh thu cho thuê nhà xưởng	6.906.844.000	6.326.880.000
Doanh thu khác	431.380.741	818.493.719
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.315.247.889	2.091.719.903
Chiết khấu thương mại	3.315.247.889	1.926.815.064
Hàng bán bị trả lại	-	164.904.839
Doanh thu thuần về bán hàng	150.334.388.922	307.155.753.438

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm trong nước	786.883.255	38.026.698
Giá vốn thành phẩm xuất khẩu	102.904.931.790	194.845.275.306
Giá vốn cho thuê nhà xưởng	1.319.817.987	2.252.783.684
Cộng	105.011.633.032	197.136.085.688

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.189.833.192	96.626.598.985
Chi phí nhân công	48.110.525.463	90.395.303.427
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.016.820.275	9.882.682.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.632.896.257	19.716.079.391
Chi phí khác bằng tiền	2.463.423.412	3.277.307.344
Cộng	125.413.498.599	219.897.971.872

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	657.148.728	151.262.844
Cổ tức được chia	-	5.750.100.000
Lãi cho vay	151.726.028	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	963.856.886	1.897.549.950
Lãi đầu tư chứng khoán	1.073.659.402	-
Cộng	2.846.391.044	7.798.912.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.550.051.185	3.712.227.592
Dự phòng đầu tư vào Công ty con	11.565.497.500	-
Dự phòng/Hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh	(1.031.740.891)	2.016.816.061
Lỗi chênh lệch tỷ giá	1.805.109.671	5.521.663.701
Chi phí tài chính khác	-	49.645.421
Cộng	15.888.917.465	11.300.352.775

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.364.477.074	3.347.849.144
Chi phí khấu hao TSCĐ	48.858.000	48.858.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.572.218.752	6.769.816.737
Các khoản chi phí bán hàng khác	640.762.161	440.939.809
Cộng	6.626.315.987	10.607.463.690
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	5.104.716.754	7.352.262.970
Chi phí khấu hao TSCĐ	431.191.234	239.596.251
Chi phí dự phòng	963.696.651	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.264.979.164	4.170.543.321
Các khoản chi phí QLDN khác	513.546.735	1.056.469.991
Cộng	12.278.130.538	12.818.872.533

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	14.227.180.801	83.111.671.440
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.526.331.840	651.612.051
Thu nhập chịu thuế	15.753.512.641	83.763.283.491
Thu nhập không tính thuế (cổ tức được chia)	-	(5.750.100.000)
Thu nhập tính thuế	15.753.512.641	78.013.183.491
- Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi thuế	10.166.486.628	73.939.087.175
- Thu nhập tính thuế không được hưởng ưu đãi thuế	5.587.026.013	4.074.096.316
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập được hưởng ưu đãi thuế	2.416.793.202	14.787.817.435
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế	1.117.405.203	814.819.263
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (i)	(1.208.396.601)	(7.393.908.718)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.325.801.804	8.208.727.981

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (Tiếp theo)

- (i) Công ty được miễn thuế 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới của Nhà máy Nam Hoa tại Khu công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh. Năm 2023 là năm thứ ba Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty được miễn thuế 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới của Nhà máy Nam Hoa tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai. Trong năm 2023, Công ty phát sinh doanh thu nhưng chưa có thu nhập chịu thuế tại Nhà máy này.

Ngoài khoản chi phí không được khấu trừ nêu trên, Công ty xác định không có khoản chi phí nào khác nữa mà không được khấu trừ. Tuy nhiên, việc xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ tùy thuộc vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	66.195.163.529	53.736.507.303
Trừ: Tiền	5.616.332.917	17.285.946.692
Nợ thuần	<u>60.578.830.612</u>	<u>36.450.560.611</u>
Vốn chủ sở hữu	292.376.714.570	316.480.882.573
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,21</u>	<u>0,12</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền	5.616.332.917	17.285.946.692	5.616.332.917	17.285.946.692
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.563.726.791	6.040.945.000	5.563.726.791	6.040.945.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.218.722.439	21.761.042.145	24.218.722.439	21.761.042.145
Cho vay	-	9.000.000.000	-	9.000.000.000
Các khoản ký quỹ	7.000.000.000	1.505.000.000	7.000.000.000	1.505.000.000
Tổng cộng	<u>42.398.782.147</u>	<u>55.592.933.837</u>	<u>42.398.782.147</u>	<u>55.592.933.837</u>
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	66.195.163.529	53.736.507.303	66.195.163.529	53.736.507.303
Phải trả người bán và phải trả khác	15.214.343.598	14.930.582.064	15.214.343.598	14.930.582.064
Chi phí phải trả	241.716.741	444.410.994	241.716.741	444.410.994
Tổng cộng	<u>81.651.223.868</u>	<u>69.111.500.361</u>	<u>81.651.223.868</u>	<u>69.111.500.361</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Số cuối năm	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền	5.616.332.917	-	5.616.332.917
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.563.726.791	-	5.563.726.791
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.218.722.439	-	24.218.722.439
Các khoản ký quỹ	-	7.000.000.000	7.000.000.000
Tổng cộng	35.398.782.147	7.000.000.000	42.398.782.147
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	56.343.051.347	9.852.112.182	66.195.163.529
Phải trả người bán và phải trả khác	13.632.623.598	1.581.720.000	15.214.343.598
Chi phí phải trả	241.716.741	-	241.716.741
Tổng cộng	70.217.391.686	11.433.832.182	81.651.223.868
Chênh lệch thanh khoản thuần	(34.818.609.539)	(4.433.832.182)	(39.252.441.721)
Số đầu năm	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền	17.285.946.692	-	17.285.946.692
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.040.945.000	-	6.040.945.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.761.042.145	-	21.761.042.145
Phải thu về cho vay	9.000.000.000	-	9.000.000.000
Các khoản ký quỹ	1.500.000.000	5.000.000	1.505.000.000
Tổng cộng	55.587.933.837	5.000.000	55.592.933.837
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	47.301.974.241	6.434.533.062	53.736.507.303
Phải trả người bán và phải trả khác	13.348.862.064	1.581.720.000	14.930.582.064
Chi phí phải trả	444.410.994	-	444.410.994
Tổng cộng	61.095.247.299	8.016.253.062	69.111.500.361
Chênh lệch thanh khoản thuần	(5.507.313.462)	(8.011.253.062)	(13.518.566.524)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong năm bao gồm 1.140.000.000 VND là khoản thanh lý tài sản trong năm trước thu được tiền trong năm nay, nhưng chưa bao gồm 183.055.190 VND là số tiền thanh lý tài sản trong năm nay chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm bao gồm 305.013.551 VND là khoản chi phí lãi vay phát sinh năm trước thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đã thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê đất số 110/HĐTĐ/SCD-2018 ngày 30 tháng 10 năm 2018 với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD) để xây dựng nhà máy. Thời gian thuê từ ngày 30 tháng 10 năm 2018 đến ngày 16 tháng 12 năm 2054, tiền thuê đã được thanh toán. Công ty đã phân bổ vào chi phí trong năm là 947.718.600 VND (năm trước là 947.718.600 VND) đối với khoản tiền thuê đất này.

Công ty đã thuê nhà xưởng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/2023/NH-MQ/HĐTNX ngày 01 tháng 5 năm 2023 với Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê để làm nhà xưởng sản xuất. Thời gian thuê từ ngày 01 tháng 5 năm 2023 đến ngày 01 tháng 5 năm 2043, giá thuê chưa bao gồm Thuế giá trị gia tăng là 70.000 VND/m²/tháng được thanh toán hàng tháng (bắt đầu tính tiền thuê xưởng từ ngày 01 tháng 8 năm 2023).

Tiền thuê được trả theo lịch như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	6.648.129.600	-
Trong năm thứ hai đến năm thứ năm	26.592.518.400	-
Sau năm năm	95.289.857.600	-
Tổng cộng	<u><u>128.530.505.600</u></u>	<u><u>-</u></u>

33. NỢ TIỀM TÀNG

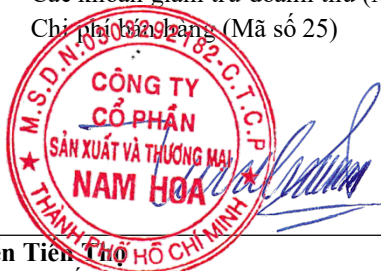
Công ty có ký hợp đồng thuê đất, Công ty đã xây dựng cơ sở hạ tầng trên đất thuê này. Trong Hợp đồng thuê đất không quy định rõ về nghĩa vụ hoàn nguyên khu đất thuê, do đó với hợp đồng thuê đất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là Công ty có thể có nghĩa vụ trong tương lai khi hết hạn thuê đất liên quan đến tháo dỡ, di dời các tài sản trên đất và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu và nghĩa vụ này chỉ có thể được xác định rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, như thỏa thuận với bên cho thuê đất, cơ quan có chức năng ban hành các quy định pháp luật nói rõ về nghĩa vụ của bên thuê khi hợp đồng không nói rõ nghĩa vụ hoàn nguyên của bên đi thuê. Do đó, Công ty chưa ghi nhận chi phí hoàn nguyên nào vào báo cáo tài chính năm 2023.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng: Trình bày phân loại lại các khoản chiết khấu thương mại.

	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Số sau phân loại lại</u>
	VND	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	164.904.839	1.926.815.064	2.091.719.903
Chi phí bán hàng (Mã số 25)	12.534.278.754	(1.926.815.064)	10.607.463.690



Nguyễn Tiên Thọ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Đức Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Vân
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

Số nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đoàn Hương Sơn	Chủ tịch
Ông Lê Duy Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Thọ	Thành viên
Ông Đoàn Đồng Bằng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2023)
Bà Bùi Thị Minh Tâm	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2023)
Ông Phạm Hải Văn	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2023)

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đào Ngọc Thu	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Linh Chi	Thành viên
Ông Đinh Công Hường	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Tiến Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Vũ Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Cường	Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Tiến Thọ - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

Số nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được ghi chép một cách phù hợp, lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Văn Thọ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số: 088/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (“Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024, từ trang 04 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “Báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Ngọc Thạch
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024



Phạm Hoàng Việt
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 4924-2024-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		174.236.557.277	302.097.260.444
I. Tiền	110	4	10.463.538.187	25.342.261.470
1. Tiền	111		10.463.538.187	25.342.261.470
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.324.463.567	22.331.034.135
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	10.309.538.737	19.379.822.369
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5	(985.075.170)	(2.016.816.061)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	4.968.027.827
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.330.877.956	67.001.923.050
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	38.316.057.575	52.208.235.874
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	6.591.833.671	11.863.781.932
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.893.284.536	4.436.506.419
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(2.470.297.826)	(1.506.601.175)
IV. Hàng tồn kho	140	10	99.741.424.095	170.385.265.760
1. Hàng tồn kho	141		100.985.469.188	171.629.310.853
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.244.045.093)	(1.244.045.093)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.376.253.472	17.036.776.029
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.221.027.368	1.957.495.960
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.129.766.393	15.048.290.883
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	25.459.711	30.989.186
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		424.977.379.424	449.767.219.091
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		40.000.000	203.220.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	40.000.000	203.220.000
II. Tài sản cố định	220		228.201.028.159	285.291.163.927
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	226.613.922.129	282.530.434.332
- Nguyên giá	222		447.704.132.140	515.284.068.873
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(221.090.210.011)	(232.753.634.541)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	-	562.251.893
- Nguyên giá	225		-	3.604.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(3.041.748.107)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	1.587.106.030	2.198.477.702
- Nguyên giá	228		5.250.782.520	5.250.782.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.663.676.490)	(3.052.304.818)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	56.619.203.170	20.754.128.039
- Nguyên giá	231		115.764.751.485	40.722.467.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(59.145.548.315)	(19.968.339.816)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.643.199.674	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	2.643.199.674	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		137.473.948.421	143.518.707.125
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	137.473.948.421	143.518.707.125
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		599.213.936.701	751.864.479.535

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		219.610.461.064	315.855.872.390
I. Nợ ngắn hạn	310		172.220.827.209	271.298.118.424
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	27.035.769.550	45.820.639.653
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		922.266.433	2.715.940.523
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.505.278.766	8.459.562.617
4. Phải trả người lao động	314		9.863.157.302	13.374.181.602
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		506.200.593	444.410.994
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	3.222.446.993	2.914.351.718
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	128.165.707.572	197.569.031.317
II. Nợ dài hạn	330		47.389.633.855	44.557.753.966
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	5.559.498.637	3.781.720.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	9.852.112.182	6.833.908.062
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	21	31.978.023.036	33.942.125.904
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		379.603.475.637	436.008.607.145
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	379.603.475.637	436.008.607.145
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		240.281.690.000	240.281.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		240.281.690.000	240.281.690.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.325.699.975	68.808.471.108
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		32.802.924.108	2.586.844.154
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		522.775.867	66.221.626.954
3. Lợi ích công đồng không kiểm soát	429		105.996.085.662	126.918.446.037
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		599.213.936.701	751.864.479.535



Nguyễn Tiến Thọ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Đức Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Vân
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		313.280.816.723	884.082.626.075
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.757.061.281	5.783.424.283
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	309.523.755.442	878.299.201.792
4. Giá vốn hàng bán	11	26	269.512.966.134	712.861.662.343
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		40.010.789.308	165.437.539.449
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	4.796.286.889	6.687.390.964
7. Chi phí tài chính	22	29	12.614.940.458	30.078.109.424
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.667.771.711	10.066.861.587
8. Chi phí bán hàng	25	30	12.852.590.636	29.109.577.598
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	40.851.638.842	49.328.682.442
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(21.512.093.739)	63.608.560.949
11. Thu nhập khác	31	31	4.004.842.776	8.293.944.579
12. Chi phí khác	32		2.530.634.609	1.705.027.919
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.474.208.167	6.588.916.660
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(20.037.885.572)	70.197.477.609
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	2.325.801.804	8.402.268.310
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(1.964.102.868)	(1.642.359.962)
17. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(20.399.584.508)	63.437.569.261
18. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		522.775.867	66.221.626.954
19. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế cổ đông không kiểm soát	62		(20.922.360.375)	(2.784.057.693)
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	22	2.759



Nguyễn Tiến Thọ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Đức Cường
Kê toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Vân
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(20.037.885.572)	70.197.477.609
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	34.786.512.454	39.202.563.337
- Các khoản dự phòng	03	(68.044.240)	2.017.933.761
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(140.831.243)	753.199.872
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	290.516.035	(355.667.054)
- Chi phí lãi vay	06	8.667.771.711	10.066.861.587
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	23.498.039.145	121.882.369.112
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	28.853.217.879	20.463.531.581
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	70.643.841.665	74.895.831.375
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(21.516.402.520)	(45.086.259.238)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	5.781.227.296	6.853.462.408
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	9.070.283.632	(19.379.822.369)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.367.943.630)	(10.729.554.053)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.402.268.310)	(4.442.732.210)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	98.559.995.157	144.456.826.606
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(21.425.542.502)	(7.134.626.756)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	4.527.928.562	922.727.273
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.968.027.827	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	890.997.041	235.946.674
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.038.589.072)	(5.975.952.809)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	256.505.280.035	661.009.540.499
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(322.785.351.653)	(788.097.931.141)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(434.636.426)	(1.657.218.612)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(36.111.947.000)	(5.407.040.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(102.826.655.044)	(134.152.649.254)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(15.305.248.959)	4.328.224.543
Tiền đầu năm	60	25.342.261.470	20.443.878.576
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	426.525.676	570.158.351
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	10.463.538.187	25.342.261.470



Nguyễn Tiến Thọ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Đức Cường
Kê toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Vân
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303292182, ngày 11 tháng 5 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 21 tháng 11 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 911 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.415 người).

Trụ sở

Công ty đăng ký trụ sở tại số 71/4A, Khu phố 7, đường Hiệp Phước Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã cho thuê toàn bộ nhà xưởng tại địa chỉ này.

Ngoài ra, Công ty có:

+ Nhà máy và Văn phòng làm việc tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

+ Nhà máy tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đồ dùng gia đình, trang trí nội thất và các sản phẩm đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp) và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại các Thuyết minh số 16;
- c) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- d) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b và c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty mẹ kiểm soát được lập tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính ngắn hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính*****Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng và hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm: Chi phí bảo hiểm đã mua trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 01 năm.

Tiền thuê đất: Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

Giá trị lợi thế quyền thuê đất: Giá trị lợi thế quyền thuê đất phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê còn lại.

Các chi phí trả trước khác: Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm và một số khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích.

Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm. Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 36
Máy móc, thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15
Tài sản cố định khác	06 – 08

Tài sản cố định thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là Máy móc, thiết bị được khấu hao trong 04 năm.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Bảng sáng chế và thương hiệu***

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 05 đến 50 năm.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu*Vốn góp của chủ sở hữu:*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thông qua .

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến lương tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến nay mới phát sinh chiết khấu, giảm giá, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu, giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện hành: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện hành.
- Nếu khoản chiết khấu, giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện hành: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm phát sinh khoản chiết khấu, giảm giá, trả lại.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Thương mại Trảng An - Việt Nam

Công ty Cổ phần Xuân Hòa - Việt Nam

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Quản lý và các thành viên có quan hệ mật thiết với các thành viên này

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT là Tổng Giám đốc của Công ty liên quan

Thành viên HĐQT là Tổng Giám đốc của Công ty liên quan

Nhân sự chủ chốt và các thành viên có quan hệ mật thiết

Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	131.078.340	357.656.736
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.332.459.847	24.984.604.734
Cộng	10.463.538.187	25.342.261.470

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOASố nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17,
Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư cổ phiếu	6.548.801.961	(985.075.170)	5.814.325.000	8.057.761.061	(2.016.816.061)	6.040.945.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (cổ phiếu TCB)	1.316.701.150	(362.701.150)	954.000.000	1.316.701.150	(541.201.150)	775.500.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (cổ phiếu VPB)	1.203.068.620	(184.508.620)	1.018.560.000	1.203.068.620	(253.473.620)	949.595.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM (cổ phiếu HDB)	1.113.390.000	-	1.167.250.000	1.113.390.000	(315.890.000)	797.500.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (cổ phiếu MBB)	804.735.200	(75.520.200)	729.215.000	804.735.200	(223.335.200)	581.400.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (cổ phiếu MSB)	765.612.000	(258.612.000)	507.000.000	765.612.000	(278.112.000)	487.500.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect (cổ phiếu VND)	481.462.800	(36.462.800)	445.000.000	481.462.800	(211.462.800)	270.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (cổ phiếu SSI)	341.823.241	-	442.800.000	341.823.241	(102.873.241)	238.950.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (cổ phiếu CTG)	338.270.400	(67.270.400)	271.000.000	338.270.400	(65.770.400)	272.500.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (cổ phiếu HPG)	183.738.550	-	279.500.000	183.738.550	(3.738.550)	180.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (cổ phiếu GEX)	-	-	-	1.508.959.100	(20.959.100)	1.488.000.000
b) Đầu tư khác (i)	3.760.736.776	-	3.828.696.000	11.322.061.308	-	8.425.635.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (cổ phiếu VIX)	828.260.085	-	855.000.000	-	-	-
Tổng Công ty Viglacera - CTCP (cổ phiếu VCG)	711.782.100	-	741.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicostone (cổ phiếu VCS)	543.347.025	-	522.500.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Lọc hóa Dầu Bình Sơn (cổ phiếu BSR)	514.999.210	-	502.200.000	-	-	-
Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP (cổ phiếu KBC)	450.607.624	-	476.250.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh (cổ phiếu DXG)	375.412.500	-	387.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (cổ phiếu GEX)	227.760.261	-	236.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	107.822.178	-	108.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội (cổ phiếu MBB)	745.793	-	746.000	4.157.179.019	-	3.071.160.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (cổ phiếu VPB)	-	-	-	3.809.800.690	-	3.168.300.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (cổ phiếu TCB)	-	-	-	1.901.865.992	-	1.176.175.000
Công ty Cổ phần Vinhomes (cổ phiếu VHM)	-	-	-	952.841.664	-	576.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long (cổ phiếu NLG)	-	-	-	500.373.942	-	434.000.000
Cộng	10.309.538.737	(985.075.170)	9.643.021.000	19.379.822.369	(2.016.816.061)	#####

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

- (i) Thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng quản trị (“HĐQT”) số 01/NQHĐQT/2022 ngày 02 tháng 01 năm 2022 về việc giao quyền thực hiện hoạt động đầu tư thông qua hình thức đầu tư mua bán chứng khoán cho ông Lê Duy Anh – Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê; Thực hiện theo Biên bản thỏa thuận ngày 01 tháng 11 năm 2022, Công ty đã giao quyền quản lý và sử dụng tài khoản chứng khoán của Công ty cho Ông Lê Duy Anh với hạn mức đầu tư là 20.000.000.000 VND. Quyền lợi và nghĩa vụ của người nhận ủy quyền đầu tư được quy định cụ thể như sau:

- Được hưởng 10% trên số lợi nhuận phát sinh từ hoạt động đầu tư;
- Có trách nhiệm bồi hoàn các khoản lỗ phát sinh bao gồm: Khoản lỗ phát sinh từ giao dịch trong năm và khoản lỗ dự kiến xác định theo giá thị trường tại ngày đóng cửa liên trước ngày rút vốn của khoản đầu tư.

Dựa theo Thỏa thuận nêu trên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Công ty xác định không có tổn thất tài sản do giảm giá chứng khoán kinh doanh theo giá thị trường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tình hình biến động khoản đầu tư chứng khoán thông qua ủy quyền đầu tư cho Ông Lê Duy Anh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty con được chi tiết theo biểu sau:

	<u>Giá trị</u> VND
Tổng giá trị ủy quyền đầu tư	20.000.000.000
Tiền nhận về từ thu hồi khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	(12.500.000.000)
Tiền đã thu hồi từ ông Lê Duy Anh về các khoản lỗ liên quan tới hoạt động đầu tư tới ngày 31 tháng 12 năm 2023	(2.820.000.000)
Giá trị sổ sách của khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	3.760.736.776
Khoản vay ký quỹ còn phải thanh toán cho trung tâm chứng khoán	453.364.960
Số tiền còn phải thu từ Ông Lê Duy Anh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.372.628.184

(Xem tại thuyết minh số 08)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Rosendahl Design Group	17.007.879.443	14.583.490.791
Riverside Furniture Corp	6.265.261.317	8.704.788.072
Các đối tượng khác	15.042.916.815	28.919.957.011
Cộng	38.316.057.575	52.208.235.874

Một phần giá trị các khoản công nợ phải thu được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (xem Thuyết minh số 20).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Global Timber	-	1.821.705.762
Công ty Cổ phần Le Lumber	-	5.841.008.672
Các đối tượng khác (*)	6.591.833.671	4.201.067.498
Cộng	6.591.833.671	11.863.781.932

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 không có đối tượng công nợ nào có số dư lớn hơn 10% tổng số dư công nợ trả trước cho người bán ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.893.284.536	4.436.506.419
Bên liên quan	1.372.628.184	2.248.679.930
Ông Lê Duy Anh (i)	1.372.628.184	2.248.679.930
Các đối tượng khác	520.656.352	2.187.826.489
Ký quỹ, ký cược	13.169.375	1.513.169.375
Tiền lãi dự thu	-	123.977.784
Tạm ứng	157.337.569	286.710.900
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	177.475.690	100.939.127
Khác	172.673.718	163.029.303
b) Dài hạn	40.000.000	203.220.000
Ký quỹ, ký cược	40.000.000	203.220.000

- (i) Khoản phải thu từ Ông Lê Duy Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty con về tổn thất đầu tư chứng khoán đã phát sinh trong năm (xem Thuyết minh số 05).

9. NỢ XẤU

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	VND	VND	Thời gian quá hạn	VND	VND	Thời gian quá hạn
	Giá gốc	Giá trị có thể thu		Giá gốc	Giá trị có thể thu	
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.369.502.129	-		1.405.805.478	-	
Công ty TNHH Tuấn Lộc	1.235.798.385	-	Trên 3 năm	1.235.798.385	-	Trên 3 năm
ARCHITECHMADE A/S	963.696.651	-	Trên 3 năm	-	-	
Orda Korea Co., Ltd	79.221.374	-	Trên 3 năm	79.221.374	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH SX TM & Dịch vụ Huyền Trang Nguyễn	39.600.000	-	Trên 3 năm	39.600.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH TM Dịch vụ SX Hoàng Bảo Nguyễn	11.236.280	-	Trên 3 năm	11.236.280	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	39.949.439	-		39.949.439	-	
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn	100.795.697	-		100.795.697	-	
Công ty TNHH Huỳnh Đại Sơn	67.615.733	-	Trên 3	67.615.733	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV SX TM DV An Bình Nguyễn	33.179.964	-	Trên 3 năm	33.179.964	-	Trên 3 năm
Cộng	2.470.297.826	-		1.506.601.175	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	69.048.245.536	(232.830.488)	111.605.361.329	(232.830.488)
Công cụ, dụng cụ	3.122.569.322	(31.921.844)	2.959.362.581	(31.921.844)
Chi phí SXKD dở dang	17.428.060.679	-	27.944.423.538	-
Thành phẩm	11.211.387.604	(979.292.761)	28.763.595.238	(979.292.761)
Hàng hóa	10.625.034	-	94.034.184	-
Hàng gửi bán	164.581.013	-	262.533.983	-
Cộng	100.985.469.188	(1.244.045.093)	171.629.310.853	(1.244.045.093)

Một phần giá trị hàng tồn kho được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (xem Thuyết minh số 20).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.221.027.368	1.957.495.960
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	508.385.911	483.972.765
Chi phí bảo hiểm	511.464.968	1.145.582.702
Chi phí sửa chữa	132.405.502	51.942.863
Các khoản khác	1.068.770.987	275.997.630
b) Dài hạn	137.473.948.421	143.518.707.125
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	226.152.084	563.871.093
Tiền thuê đất (i)	29.379.276.700	30.326.995.300
Giá trị lợi thế quyền thuê đất (ii)	107.524.181.183	112.099.678.255
Các khoản khác	344.338.454	528.162.477

(i) Đây là giá trị tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, được Công ty phân bổ trong thời gian 426 tháng kể từ tháng 7 năm 2019.

(ii) Giá trị lợi thế quyền thuê đất phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh, được Công ty xác định theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 03/NQ-HĐQT-NH.2021 ngày 08 tháng 4 năm 2021. Nghị quyết này đã thông qua kết quả báo cáo tư vấn của một công ty kiểm toán về giá trị doanh nghiệp và lợi thế quyền thuê đất của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU / PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	18.411.047	217.853.172	(199.442.125)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	12.578.139	57.306.090	(44.727.951)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	(25.459.711)	25.459.711
Cộng	30.989.186	275.159.262	(269.629.787)	25.459.711
b) Các khoản phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	186.119.429	3.689.390.149	(3.689.390.149)	186.119.429
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	914.941.995	(914.941.995)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.144.126.851	2.325.801.804	(8.402.268.310)	2.067.660.345
Thuế thu nhập cá nhân	129.316.337	3.082.517.270	(3.116.864.792)	94.968.815
Các loại thuế, phí khác	-	712.621.846	(556.091.669)	156.530.177
Cộng	8.459.562.617	10.725.273.064	(16.679.556.915)	2.505.278.766

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	297.596.321.982	154.390.649.076	48.236.196.297	6.306.357.259	8.754.544.259	515.284.068.873
- Mua trong năm	91.900.000	7.869.937.500	2.599.510.380	-	-	10.561.347.880
- Đầu tư XDCB hoàn thành	8.739.199.768	-	-	-	-	8.739.199.768
- Tăng khác (i)	-	3.604.000.000	-	-	-	3.604.000.000
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(63.491.808.366)	-	(5.605.224.246)	-	(5.945.251.018)	(75.042.283.630)
- Thanh lý, nhượng bán	(1.120.858.690)	(9.651.383.440)	(2.756.686.380)	-	(1.913.272.241)	(15.442.200.751)
Số cuối năm	241.814.754.694	156.213.203.136	42.473.796.051	6.306.357.259	896.021.000	447.704.132.140
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	98.051.387.369	94.345.692.181	33.220.619.734	4.278.028.244	2.857.907.013	232.753.634.541
- Khấu hao trong năm	10.048.674.081	16.282.476.129	3.791.341.231	361.691.406	636.229.536	31.120.412.383
- Tăng khác (i)	-	3.528.916.718	-	-	-	3.528.916.718
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(32.332.941.872)	-	(3.166.559.651)	-	(1.110.147.188)	(36.609.648.711)
- Thanh lý, nhượng bán	(834.862.847)	(5.924.140.976)	(1.416.355.626)	-	(1.527.745.471)	(9.703.104.920)
Số cuối năm	74.932.256.731	108.232.944.052	32.429.045.688	4.639.719.650	856.243.890	221.090.210.011
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	199.544.934.613	60.044.956.895	15.015.576.563	2.028.329.015	5.896.637.246	282.530.434.332
Số cuối năm	166.882.497.963	47.980.259.084	10.044.750.363	1.666.637.609	39.777.110	226.613.922.129

- (i) Trong năm, Công ty đã thực hiện mua lại các tài sản thuê tài chính là máy móc thiết bị gắn với các hợp đồng thuê tài chính (Hợp đồng số B190431802 ngày 04 tháng 7 năm 2019 và số B190430402 ngày 08 tháng 5 năm 2019). Quyền sở hữu tài sản được chuyển giao từ ngày 27 tháng 6 năm 2023. Theo đó, Nguyên giá và hao mòn lũy kế tài sản thuê tài chính được trình bày sang khoản mục Tài sản cố định hữu hình trên Báo cáo tài chính (xem Thuyết minh 14).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị là 54.098.949.127 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 31.282.876.873 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Một phần Nhà cửa vật kiến trúc và Máy móc, thiết bị đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn (xem Thuyết minh số 20).

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	3.604.000.000	3.604.000.000
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(3.604.000.000)	(3.604.000.000)
Số cuối năm	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	3.041.748.107	3.041.748.107
- Khấu hao trong năm	487.168.611	487.168.611
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(3.528.916.718)	(3.528.916.718)
Số cuối năm	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	562.251.893	562.251.893
Số cuối năm	-	-

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	699.300.000	4.551.482.520	5.250.782.520
Số cuối năm	699.300.000	4.551.482.520	5.250.782.520
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	509.906.250	2.542.398.568	3.052.304.818
- Khấu hao trong năm	87.412.500	523.959.172	611.371.672
Số cuối năm	597.318.750	3.066.357.740	3.663.676.490
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	189.393.750	2.009.083.952	2.198.477.702
Số cuối năm	101.981.250	1.485.124.780	1.587.106.030

Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm các TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị là 497.711.520 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 449.711.520 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng VND	Quyền sử dụng đất VND	Phương tiện, vận tải VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Số đầu năm	37.257.042.855	3.465.425.000	-	-	40.722.467.855
- Chuyển từ Tài sản cố định hữu hình	63.491.808.366	-	5.605.224.246	5.945.251.018	75.042.283.630
Số cuối năm	100.748.851.221	3.465.425.000	5.605.224.246	5.945.251.018	115.764.751.485
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	19.968.339.816	-	-	-	19.968.339.816
- Khấu hao trong năm	2.297.754.107	-	113.834.591	155.971.090	2.567.559.788
- Chuyển từ Tài sản cố định hữu hình	32.332.941.872	-	3.166.559.651	1.110.147.188	36.609.648.711
Số cuối năm	54.599.035.795	-	3.280.394.242	1.266.118.278	59.145.548.315
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	17.288.703.039	3.465.425.000	-	-	20.754.128.039
Số cuối năm	46.149.815.426	3.465.425.000	2.324.830.004	4.679.132.740	56.619.203.170

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm:

+ Tài sản là Nhà xưởng và Quyền sử dụng đất tại địa chỉ Số 71/4A, Khu phố 7, Đường Hiệp Phước Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã cho thuê theo hợp đồng thuê tài sản ký ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa Công ty và Công ty TNHH Goldfinger. Thời hạn thuê theo hợp đồng là 5 năm kể từ thời điểm ký biên bản bàn giao nhà xưởng ngày 01 tháng 12 năm 2020.

+ Tài sản thuộc Nhà xưởng tại tại Lô số 3, Đường 5A KCN Nhơn Trạch, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai. Hợp đồng cho thuê nhà xưởng ngày 11 tháng 12 năm 2023 với Công ty TNHH Craftsman Kitchen Components Việt Nam. Diện tích cho thuê là 4.586,40 m², thời gian cho thuê là 10 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2023.

Nhà xưởng và Quyền sử dụng đất tại địa chỉ Số 71/4A, Khu phố 7, Đường Hiệp Phước Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (xem Thuyết minh số 20).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2023 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được Công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Danh mục bất động sản đầu tư tại địa chỉ Số 71/4^a, Khu phố 7, Đường Hiệp Phước Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

STT	Danh mục bất động sản đầu tư	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà xưởng nhà máy 1	29.473.035.327	13.557.596.238	15.915.439.089
2	Hệ thống dây điện xưởng	4.429.188.116	4.429.188.116	-
3	Lắp đặt hệ thống thang máy	826.648.409	826.648.409	-
4	Hệ thống dây điện xưởng 1	238.314.400	238.314.400	-
5	Phí bảo hiểm rủi ro xây dựng NMI	49.950.000	22.977.000	26.973.000
6	Đường ống sắt tráng kẽm hệ thống chữa cháy vách tường	100.108.000	98.022.448	2.085.552
7	Khoang Giếng Công nghiệp	43.906.000	43.906.000	-
8	Hệ thống PCCC NMI	837.297.513	837.297.513	-
9	Tường rào nhà xưởng	200.000.000	200.000.000	-
10	Hệ thống thang thoát hiểm	110.909.090	110.909.090	-
11	Mái hiên nhà kho (HĐ 20/06/2018 HDKT)	124.200.000	124.200.000	-
12	Mái hiên nhà kho theo HĐ số 10/07/2018 HDKT ngày 12/07/2018	79.719.000	79.719.000	-
13	Mái hiên nhà kho theo HĐ số 08/08/2018 HDKT ngày 08/08/2018	132.912.000	132.912.000	-
14	Máy bơm chữa cháy Diesel hyundai D4BB	133.000.000	133.000.000	-
15	Hệ thống xử lý nước thải	345.610.000	345.610.000	-
16	Thi công lắp đặt hệ thống báo cháy	132.245.000	50.693.909	81.551.091
17	Quyền sử dụng đất	3.465.425.000	-	3.465.425.000
Cộng		40.722.467.855	21.230.994.123	19.491.473.732

Danh mục bất động sản đầu tư tại Nhà xưởng tại tại Lô số 3, Đường 5^a KCN Nhơn Trạch, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

STT	Danh mục bất động sản đầu tư	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà bảo vệ công phụ	144.625.914	129.792.552	14.833.362
2	Nhà chứa bụi	217.161.351	160.860.270	56.301.081
3	Công, hàng rào tường xây gạch dày 200	834.698.655	749.088.522	85.610.133
4	Hệ thống cửa tự động	123.639.080	110.958.138	12.680.942
5	Hệ thống cửa tự động	123.639.080	110.958.138	12.680.942
6	Hệ thống đường nội bộ	2.075.255.731	1.862.408.970	212.846.761
7	Đường nội bộ	4.968.813.544	2.361.720.036	2.607.093.508
8	Hệ thống đường nội bộ	3.899.538.337	3.499.585.728	399.952.609
9	Nhà kho số 01 (Kho VTPK) bên hông xưởng 10A	6.076.058.426	1.546.446.917	4.529.611.509
10	Hệ thống khung kệ, pallet kho TP (26 kệ 4 tầng, 69 kệ 3 tầng, 2265 pallet)	5.945.251.018	1.266.118.278	4.679.132.740
11	Nhà khử bụi (Nhà pha chế sơn đôi điện X10A)	279.871.151	192.800.160	87.070.991
12	Hệ thống điện X10C	2.705.817.019	1.573.728.058	1.132.088.961
13	Hệ thống điện X10B	2.850.782.227	1.658.041.184	1.192.741.043
14	Nhà Văn Phòng	6.583.675.394	1.641.024.084	4.942.651.310
15	Nhà để xe cán bộ CNV (50.960 x 16.000)m	385.595.702	346.047.444	39.548.258
16	Nhà để xe CBCNV	1.654.935.452	767.830.428	887.105.024
17	Nhà xe cho CBCNV	650.000.000	78.821.846	571.178.154
18	Nhà kho lưu trữ hóa chất	999.750.405	285.179.795	714.570.610
19	Nhà kho gỗ 02 (24x46m)	1.840.000.000	115.355.985	1.724.644.015
20	Hệ thống thông gió từ MSB và phòng điện X10A	48.625.000	48.625.000	-
21	VP xưởng 10A trần thạch cao 1.200 x 600	80.875.695	59.907.889	20.967.806
22	Văn Phòng Xưởng 10A	543.675.560	90.012.880	453.662.680
23	Nhà xưởng chính 10A	11.561.547.646	8.564.109.480	2.997.438.166
24	Nhà xưởng 10B	6.460.651.207	4.450.670.856	2.009.980.351
25	Nhà Xưởng 10C	7.807.967.032	1.987.243.305	5.820.723.727
26	Nhà xưởng sấy	6.179.833.004	4.257.218.249	1.922.614.755
Cộng		75.042.283.630	37.914.554.192	37.127.729.438

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị là 7.550.329.528 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6.815.650.038 VND).

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Đây là chi phí sửa chữa lớn nhà xưởng phát sinh trong năm.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD)	7.401.682.288	7.401.682.288	7.401.682.288	7.401.682.288
Công ty TNHH MTV Vân Anh Phát	1.921.213.165	1.921.213.165	3.435.188.206	3.435.188.206
Công ty TNHH Sơn Song Kỳ	2.597.798.390	2.597.798.390	2.991.153.880	2.991.153.880
Khác	15.115.075.707	15.115.075.707	31.992.615.279	31.992.615.279
Cộng	27.035.769.550	27.035.769.550	45.820.639.653	45.820.639.653

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.222.446.993	2.914.351.718
Kinh phí công đoàn	1.300.661.589	1.213.497.601
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	98.002.848	303.708.037
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.160.000	118.560.000
Ký quỹ, ký cược	600.000.000	1.100.000.000
Các khoản phải trả khác	1.211.622.556	178.586.080
b) Dài hạn	5.559.498.637	3.781.720.000
Ký quỹ, ký cược	5.559.498.637	3.781.720.000
- Công ty TNHH Craftsman Kitchen Components Việt Nam	2.177.778.637	-
- Công ty TNHH Trọng Tín	1.700.000.000	2.200.000.000
- Công ty TNHH Goldfinger VN	1.581.720.000	1.581.720.000
- Công ty TNHH MTV Môi trường Đại Hoàng Phát	100.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOASố nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17,
Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh**MÃ SỐ B 09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	197.569.031.317	197.569.031.317	253.816.664.334	(323.219.988.079)	128.165.707.572	128.165.707.572
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Sài Gòn	123.267.543.055	123.267.543.055	109.560.686.254	(161.404.948.084)	71.423.281.225	71.423.281.225
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – CN Chợ Lớn (ii)	42.152.084.103	42.152.084.103	119.324.065.771	(115.444.578.527)	46.031.571.347	46.031.571.347
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch	25.266.127.595	25.266.127.595	13.612.951.447	(38.879.079.042)	-	-
Ông Nguyễn Tiên Thọ - Bên liên quan	500.000.000	500.000.000	-	(500.000.000)	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả, gồm:</i>	6.383.276.564	6.383.276.564	11.318.960.862	(6.991.382.426)	10.710.855.000	10.710.855.000
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch (iii)	798.750.000	798.750.000	399.375.000	(798.750.000)	399.375.000	399.375.000
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	434.636.426	434.636.426	-	(434.636.426)	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – CN Chợ Lớn (iv)	5.149.890.138	5.149.890.138	10.919.585.862	(5.757.996.000)	10.311.480.000	10.311.480.000
b) Dài hạn	6.833.908.062	6.833.908.062	14.337.164.982	(11.318.960.862)	9.852.112.182	9.852.112.182
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch (iii)	399.375.000	399.375.000	-	(399.375.000)	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – CN Chợ Lớn (iv)	6.434.533.062	6.434.533.062	14.337.164.982	(10.919.585.862)	9.852.112.182	9.852.112.182
Tổng cộng	204.402.939.379	204.402.939.379	268.153.829.316	(334.538.948.941)	138.017.819.754	138.017.819.754

- (i) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, lãi suất vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản gắn liền với đất, tài sản theo hợp đồng thế chấp và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị hàng hóa là 180.000.000.000 VND.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ lớn, lãi suất cho vay theo từng kế ước và tùy thuộc vào từng thời kỳ, khoản vay nhằm tài trợ cho việc thanh toán nhập khẩu/ mua hàng hóa/ nguyên vật liệu và bổ sung vốn lưu động.

Tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ 71/4^a khu phố 7, Đường Hiệp Thành 13, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ Lô C5-9, KCN Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bơm, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh.
- Máy móc thiết bị được nhập khẩu theo hợp đồng thế chấp số PBVN_CLN/000624/18.
- Các khoản phải thu với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 3.000.000.000 VND và 600.000 USD.
- Hàng tồn kho với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 20.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- (iii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch theo hợp đồng vay số 2021022-CRC/HĐCV-TDH ngày 8 tháng 7 năm 2021, giá trị khoản vay 2.396.250.000 VND, lãi suất vay 8,3%/năm, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích vay để phục vụ mua sắm tài sản. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.
- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn, lãi suất cho vay theo từng kế ước và tùy thuộc vào từng thời kỳ nhằm mục đích mua máy móc thiết bị nhập khẩu.

Tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ 71/4^a khu phố 7, Đường Hiệp Thành 13, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và máy móc thiết bị.
- Tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ Lô C5-9, KCN Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bom, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh.

Lịch trả nợ các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.710.855.000	6.383.276.564
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	9.852.112.182	6.833.908.062
Tổng cộng	20.562.967.182	13.217.184.626
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay ngắn hạn)	10.710.855.000	6.383.276.564
Số phải trả sau 12 tháng	9.852.112.182	6.833.908.062

21. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản xác định giá trị hợp lý của tài sản	31.978.023.036	33.942.125.904
Cộng	31.978.023.036	33.942.125.904

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	154.115.410.000	88.753.124.154	135.228.103.730	378.096.637.884
Lãi năm trước	-	66.221.626.954	(2.784.057.693)	63.437.569.261
Chia cô tức bằng cổ phiếu	86.166.280.000	(86.166.280.000)	-	-
Chia cô tức bằng tiền	-	-	(5.525.600.000)	(5.525.600.000)
Số cuối năm trước	240.281.690.000	68.808.471.108	126.918.446.037	436.008.607.145
Lãi năm nay	-	522.775.867	(20.922.360.375)	(20.399.584.508)
Chia cô tức (i)	-	(36.005.547.000)	-	(36.005.547.000)
Số cuối năm	240.281.690.000	33.325.699.975	105.996.085.662	379.603.475.637

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

- (i) Dựa theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 đã được thông qua trong Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐTN/2023 ngày 22 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2022 bằng 15% mệnh cổ phiếu phổ thông với tổng giá trị là 36.005.547.000 VND. Cổ tức đã thanh toán trong năm nay là 36.005.547.000 VND (năm trước là 0 VND).

Cổ tức ở công ty con đã thanh toán cho các cổ đông trong năm nay là 106.400.000 VND (năm trước là 5.407.040.000 VND VND).

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303292182 sửa đổi lần 12 ngày 21 tháng 11 năm 2023, Vốn điều lệ của Công ty là 240.281.690.000 VND, tương đương 24.028.169 cổ phần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, chi tiết Vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Đoàn Hương Sơn	5.864.212	24,41%	5.864.212	24,41%
Ông Lê Duy Anh	3.120.000	12,98%	3.120.000	12,98%
Bà Bùi Thị Hiền	2.398.206	9,98%	2.398.206	9,98%
Bà Trần Thị Thanh Hương	1.560.000	6,49%	1.560.000	6,49%
Ông Nguyễn Tiến Thọ	803.790	3,35%	803.790	3,35%
Cổ phiếu quỹ	24.471	0,10%	24.471	0,10%
Các cổ đông khác	10.257.490	42,69%	10.257.490	42,69%
Tổng cộng	24.028.169	100%	24.028.169	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.028.169	24.028.169
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.028.169	24.028.169
- Số lượng cổ phiếu quỹ	24.471	24.471
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.471	24.471
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.003.698	24.003.698
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.003.698	24.003.698

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	188.631,20	786.280,60
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	320,00	413,96
Đô la Canada (CAD)	1.200,00	1.200,00
Đô la Úc (AUD)	550,00	550,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Khu vực địa lý

Công ty hoạt động sản xuất là chính, hoạt động chính này và cho thuê bất động sản, bán hàng hóa đều diễn ra tại miền Nam Việt Nam, sản phẩm xuất khẩu là chủ yếu, nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất các mặt hàng đồ chơi, đồ gia dụng, đồ nội thất từ gỗ, tạo ra phần lớn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, hoạt động bán hàng hóa và cho thuê bất động sản chiếm tỷ lệ không đáng kể trong doanh thu và lợi nhuận. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	313.280.816.723	884.082.626.075
Doanh thu bán hàng hóa	5.058.123.681	30.501.483.393
Doanh thu bán thành phẩm	294.822.301.826	846.185.661.063
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.085.671.116	1.068.601.619
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	11.314.720.100	6.326.880.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.757.061.281	5.783.424.283
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	3.315.247.889	1.926.815.064
- Giảm giá hàng bán	417.470.224	866.356.203
- Hàng bán bị trả lại	24.343.168	2.990.253.016
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	309.523.755.442	878.299.201.792

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	9.584.237.300	26.228.607.867
Giá vốn của thành phẩm đã bán	255.588.445.782	684.380.270.792
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	4.340.283.052	2.252.783.684
Cộng	269.512.966.134	712.861.662.343

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	115.817.103.025	410.094.577.623
Chi phí nhân công	93.188.214.672	214.367.089.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.770.528.111	39.202.563.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.625.250.245	55.821.711.335
Chi phí khác	7.101.642.145	7.861.428.948
Cộng	284.502.738.198	727.347.370.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	767.019.257	234.694.458
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.955.608.230	6.452.696.506
Lãi đầu tư chứng khoán	1.073.659.402	-
Cộng	<u>4.796.286.889</u>	<u>6.687.390.964</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.667.771.711	10.066.861.587
Dự phòng/Hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh	(1.031.740.891)	2.016.816.061
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.978.909.638	17.944.786.355
Chi phí tài chính khác	-	49.645.421
Cộng	<u>12.614.940.458</u>	<u>30.078.109.424</u>

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	2.742.949.477	7.126.562.231
Chi phí khấu hao TSCĐ	346.393.216	440.823.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.059.764.121	20.882.819.167
Các khoản chi phí bán hàng khác	703.483.822	659.372.860
Cộng	<u>12.852.590.636</u>	<u>29.109.577.598</u>
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	12.271.973.309	24.068.869.579
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.187.651.919	6.798.655.860
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	963.696.651	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.339.273.156	11.932.460.724
Các khoản chi phí QLDN khác	5.089.043.807	6.528.696.279
Cộng	<u>40.851.638.842</u>	<u>49.328.682.442</u>

31. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	95.745.762
Thu tiền bán phế liệu	591.440.190	3.145.679.654
Các khoản khác	3.413.402.586	5.052.519.163
Cộng	<u>4.004.842.776</u>	<u>8.293.944.579</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	2.325.801.804	8.208.727.981
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê	-	193.540.329
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.325.801.804	8.402.268.310

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại bao gồm:

+ Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chi phí khấu hao các tài sản cố định và chi phí phân bổ tiền thuê đất của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý.

+ Khoản chi phí thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến loại trừ Dự phòng đầu tư vào Công ty con.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	522.775.867	66.221.626.954
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	522.775.867	66.221.626.954
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	24.003.698	24.003.698
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	2.759

Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đầu năm	24.003.698	24.003.698
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	24.003.698	24.003.698

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	138.017.819.754	204.402.939.379
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	10.463.538.187	25.342.261.470
Nợ thuần	127.554.281.567	179.060.677.909
Vốn chủ sở hữu	379.603.475.637	436.008.607.145
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	33,60%	41,07%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.463.538.187	25.342.261.470
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.531.857.348	53.541.337.413
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.324.463.567	22.331.034.135
Các khoản ký quỹ	53.169.375	1.716.389.375
Tổng cộng	57.373.028.477	102.931.022.393
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	138.017.819.754	204.402.939.379
Phải trả người bán và phải trả khác	34.419.050.743	50.999.505.733
Chi phí phải trả	506.200.593	444.410.994
Tổng cộng	172.943.071.090	255.846.856.106

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.463.538.187	-	10.463.538.187
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.531.857.348	-	44.531.857.348
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.324.463.567	-	9.324.463.567
Các khoản ký quỹ	13.169.375	40.000.000	(6.946.830.625)
Tổng cộng	57.333.028.477	40.000.000	57.373.028.477
Công nợ tài chính			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	128.165.707.572	9.852.112.182	138.017.819.754
Phải trả người bán và phải trả khác	28.859.552.106	5.559.498.637	34.419.050.743
Chi phí phải trả	506.200.593	-	506.200.593
Tổng cộng	157.531.460.271	15.411.610.819	172.943.071.090
Chênh lệch thanh khoản thuần	(100.198.431.794)	(15.371.610.819)	(115.570.042.613)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Số đầu năm	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.342.261.470	-	25.342.261.470
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.541.337.413	-	53.541.337.413
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.331.034.135	-	22.331.034.135
Các khoản ký quỹ	1.513.169.375	203.220.000	1.716.389.375
Tổng cộng	102.727.802.393	203.220.000	102.931.022.393
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	197.569.031.317	6.833.908.062	204.402.939.379
Phải trả người bán và phải trả khác	47.217.785.733	3.781.720.000	50.999.505.733
Chi phí phải trả	444.410.994	-	444.410.994
Tổng cộng	245.231.228.044	10.615.628.062	255.846.856.106
Chênh lệch thanh khoản thuần	(142.503.425.651)	(10.412.408.062)	(152.915.833.713)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài các số dư với các bên liên quan trình bày tại các thuyết minh số 05, 08, 20 và 22; Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ông Nguyễn Tiến Thọ		
Mượn tiền	-	1.410.000.000
Hoàn trả tiền đã mượn	-	1.410.000.000
Tạm ứng tiền	-	240.000.000
Hoàn ứng tiền	-	340.000.000
Thanh toán tiền cổ tức	1.205.685.000	-
Ông Đoàn Hương Sơn		
Thanh toán tiền cổ tức	8.796.318.000	-
Ông Lê Duy Anh		
Thanh toán tiền cổ tức	4.680.000.000	-
Ông Lưu Vũ Sơn		
Thanh toán tiền cổ tức	150.045.000	-
Ông Phạm Việt Phương		
Thanh toán tiền cổ tức	10.297.500	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng quản trị	593.333.332	586.666.666
Ông Đoàn Hương Sơn - Chủ tịch	200.000.004	200.000.000
Ông Lê Duy Anh - Thành viên	133.333.332	133.333.333
Ông Đoàn Đồng Bằng - Thành viên	88.888.888	-
Ông Nguyễn Thanh Hải - Thành viên	88.888.888	-
Bà Bùi Thị Minh Tâm - Thành viên (đã miễn nhiệm)	44.444.444	120.000.000
Ông Phạm Hải Văn - Thành viên (đã miễn nhiệm)	37.777.776	133.333.333
Thù lao Ban kiểm soát	213.333.325	200.000.000
Bà Đào Ngọc Thu - Trưởng Ban kiểm soát	133.333.333	133.333.333
Bà Nguyễn Thị Linh Chi - Thành viên	39.999.996	40.000.000
Ông Đinh Công Hường - Thành viên	39.999.996	26.666.667
Lương Ban Tổng Giám đốc	2.230.856.031	2.887.820.148
Ông Nguyễn Tiến Thọ - Tổng Giám đốc	1.070.351.995	1.438.746.000
Ông Lưu Vũ Sơn - Phó Tổng Giám đốc	687.461.102	770.296.148
Ông Phạm Việt Phương - Phó Tổng Giám đốc	473.042.934	678.778.000
Cộng	3.037.522.689	3.674.486.814

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong năm bao gồm 1.140.000.000 VND là khoản thanh lý tài sản trong năm trước thu được tiền trong năm nay, nhưng chưa bao gồm 1.282.415.360 VND là số tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định mà chưa thu tiền trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm bao gồm 305.013.551 VND là khoản chi phí lãi vay phát sinh năm trước thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

38. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty con thuê đất tại Lô số 3 đường 5A, KCN Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Công nghiệp số 2 theo Hợp đồng thuê lại đất số 137/HĐ-TLĐ ngày ngày 15 tháng 7 năm 2005, kèm theo các Phụ lục điều chỉnh, nhằm mục đích xây dựng văn phòng, kho bãi và nhà máy của Công ty con. Tổng diện tích thuê 84.105 m², thời hạn thuê là 42 năm kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2005 đến 20 tháng 6 năm 2047 với đơn giá thuê là 1,1 USD/m². Tiền thuê được trả hàng năm. Công ty con đã ghi nhận vào chi phí trong năm 1.161.162.080 VND đối với khoản tiền thuê đất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Tiền thuê được trả theo lịch như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.176.427.138	2.176.427.138
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.705.708.550	8.705.708.550
Sau năm năm	40.219.180.938	42.401.570.890
Tổng cộng	51.101.316.626	53.283.706.577
<i>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng</i>	<i>2.176.427.138</i>	<i>2.176.427.138</i>
Số phải trả sau 12 tháng	48.924.889.488	51.107.279.440

Công ty mẹ đã thuê đất tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thuê đất số 110/HĐTĐ/SCD-2018 ngày 30 tháng 10 năm 2018 với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD) để xây dựng nhà máy. Thời gian thuê từ ngày 30 tháng 10 năm 2018 đến ngày 16 tháng 12 năm 2054, tiền thuê đã được thanh toán. Công ty đã phân bổ vào chi phí trong năm 947.718.600 VND đối với khoản tiền thuê đất này.

39. NỢ TIỀM TÀNG

Công ty có ký hợp đồng thuê đất, Công ty đã xây dựng cơ sở hạ tầng trên đất thuê này. Trong Hợp đồng thuê đất không quy định rõ về nghĩa vụ hoàn nguyên khu đất thuê, do đó với hợp đồng thuê đất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là Công ty có thể có nghĩa vụ trong tương lai khi hết hạn thuê đất liên quan đến tháo dỡ, di dời các tài sản trên đất và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu và nghĩa vụ này chỉ có thể được xác định rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, như thỏa thuận với bên cho thuê đất, cơ quan có chức năng ban hành các quy định pháp luật nói rõ về nghĩa vụ của bên thuê khi hợp đồng không nói rõ nghĩa vụ hoàn nguyên của bên đi thuê. Do đó, Công ty chưa ghi nhận chi phí hoàn nguyên nào vào báo cáo tài chính năm 2023.

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất: Trình bày phân loại lại các khoản chiết khấu thương mại.

	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Số sau phân loại lại</u>
	VND	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	3.856.609.219	1.926.815.064	5.783.424.283
Chi phí bán hàng (Mã số 25)	31.036.392.662	(1.926.815.064)	29.109.577.598



Nguyễn Tiến Thọ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Đức Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Vân
Người lập biểu

TP Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TIẾN THỌ